



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL.

- Mã chứng khoán: VTP.
- Địa chỉ: Số 2, ngõ 15 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 0962.683.130.
- E-mail: hoidongquantri@viettelpost.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2026 tại đường dẫn <https://viettelpost.com.vn/bao-cau-thuong-nien/> . Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPHĐQT.

Đại diện tổ chức

Người ủy quyền công bố thông tin

LÊ CÔNG PHÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL



THÔNG DIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ Viettel Post tái định vị vai trò, kiến tạo năng lực logistics thế hệ mới ”



Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác và toàn thể CBNV.

Logistics đang chuyển mình từ một lĩnh vực hỗ trợ trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế, nơi mọi biến động đều tác động trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh và đời sống. Sự tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, sự phát triển bùng nổ của thương mại điện tử cùng những tiến bộ vượt bậc của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, đang tái định hình sâu sắc ngành logistics. Trong bối cảnh đó, năm 2025 không chỉ là một năm vận hành, mà là năm Viettel Post định vị vai trò trong chuỗi cung ứng. Với việc xây dựng và hoàn thiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030, với 5 trụ kinh doanh gồm chuyển phát, kho vận, vận tải, thương mại dịch vụ và đầu tư quốc tế. Tháng 06/2025, Viettel Post ra mắt giải pháp logistics toàn trình: cung đầy đủ các dịch vụ cho khách hàng từ chuyển phát, kho vận, vận tải trong nước và quốc tế, các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại xuyên biên giới. Các lĩnh vực được kết nối trên nền tảng công nghệ và dữ liệu thống nhất, thay vì các dịch vụ đơn lẻ, qua đó tạo nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng mới.

Đi cùng với xây dựng chiến lược 5 trụ kinh doanh là hoạt động tái cấu trúc mô hình theo hướng “tinh – gọn – mạnh”, quản trị, vận hành theo lĩnh vực, tổ chức bộ máy xuyên suốt từ Tổng Công ty đến Chi nhánh được triển khai quyết liệt, nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính chủ động cho các đơn vị kinh doanh.

Kết hợp hiệu quả mô hình tự triển khai đầu tư, vận hành và xã hội hóa trong cả hoạt động phát triển hạ tầng, cũng như tổ chức bán hàng, tạo sự khác biệt về hạ tầng cung ứng dịch vụ.

Với sự chuyển dịch chiến lược này, năm 2025, Viettel Post đã đạt được những hiệu quả rõ nét, bên cạnh việc giữ vững vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực chuyển phát trong bối cảnh thị trường đầy biến động, các lĩnh vực kho vận, vận tải và thương mại dịch vụ có sự tăng trưởng tích cực, trở thành động lực quan trọng trong tăng trưởng chung của Viettel Post. Đây là nền tảng để Viettel Post chuyển sang mô hình tăng trưởng đa trụ, bền vững hơn trong dài hạn.

Bước sang năm 2026, năm đầu tiên thực thi chiến lược mới, Viettel Post xác định nhiệm vụ trọng tâm là đột phá hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiên phong công nghệ.

Với trọng tâm lớn nhất là đầu tư phát triển hạ tầng logistics theo hướng quy mô lớn, đồng bộ và có tính kết nối cao. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Viettel Post đặt mục tiêu đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư hạ tầng, vận hành thông qua việc thúc đẩy các mô hình hợp tác, xã hội hóa để nhanh chóng gia tăng quy mô, tạo nền tảng mở rộng không gian kinh doanh và xử lý nhanh những điểm nghẽn.

Cùng với đó, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trên toàn hệ thống; tiếp tục kiểm soát, tối ưu chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Song song với hạ tầng, công nghệ, Viettel Post tập trung xây dựng các sản phẩm, dịch vụ mới, phát triển thị trường và khách hàng mới; cung cấp dịch vụ 24/7, không gián đoạn dịch vụ; đẩy mạnh đầu tư, kinh doanh tại các thị trường nước ngoài.

Năm 2026 sẽ là năm nền tảng, quyết định khả năng hiện thực hóa chiến lược phát triển giai đoạn mới. Trong giai đoạn cạnh tranh ở cấp độ cao hơn, lợi thế sẽ thuộc về những doanh nghiệp có khả năng làm chủ hạ tầng, công nghệ và tổ chức vận hành toàn trình, có chất lượng dịch vụ đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng. Viettel Post đang từng bước xây dựng năng lực đó, với định hướng rõ ràng và sự đầu tư có trọng điểm. Chúng tôi cũng nhận thức rõ rằng, quá trình chuyển đổi từ một doanh nghiệp chuyển phát sang mô hình logistics toàn trình là một hành trình dài, với nhiều áp lực về năng lực vận hành, con người, công nghệ, tài chính. Những kết quả đạt được trong năm qua mới chỉ là bước khởi đầu, Viettel Post đang bước tiếp vào giai đoạn mới với nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, đòi hỏi sự kiên định với định hướng chiến lược, đồng thời linh hoạt thích ứng với những biến động của thị trường.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Viettel Post.

Chúng tôi ý thức rằng, niềm tin của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác không đến từ những cam kết, mà được xây dựng qua kết quả thực tế. Vì vậy, Viettel Post sẽ tiếp tục nỗ lực đổi mới, nâng cao năng lực và kiên định với mục tiêu tạo ra giá trị bền vững.

TRÂN TRỌNG!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VIỆT DŨNG



MỤC LỤC

Chương 1	THÔNG TIN CHUNG
Chương 2	GIỚI THIỆU BỘ MÁY LÃNH ĐẠO
Chương 3	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
Chương 4	QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chương 5	BÁO CÁO BỀN VỮNG

Chương 1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Thông tin về mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổ Chức Đăng Ký Giao Dịch

viettel
post

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0104093672**

Vốn điều lệ: **1.217.830.420.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **1.217.830.420.000 đồng**

Địa chỉ trụ sở: Số 2, ngõ 15 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Số 2, ngõ 15 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: **19008095**

Website: www.viettelpost.com.vn

Mã cổ phiếu: **VTP**

Sàn giao dịch: **Hose**

Ngành nghề kinh doanh chính:

Chuyển phát: Chuyển phát truyền thống, phát hàng thu tiền COD, chuyển phát quốc tế.

Logistics: Vận tải nguyên chuyển, vận tải hàng gom, freight forwarding, dịch vụ kho, khai báo hải quan.

Thương mại dịch vụ: Vé máy bay, dịch vụ viễn thông, quản lý vận hành cửa hàng, điểm bán viễn thông...

Địa bàn kinh doanh: Việt Nam, Cambodia, Myanmar, Lào

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 01/07/1997, Bộ phận Phát hành báo chí trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) - tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post) được thành lập. Tại thời điểm này, Bộ phận Phát hành báo chí có 05 cán bộ nhân viên cung cấp dịch vụ phát báo tới 10 khách hàng đầu tiên là các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn Tp. Hà Nội.

Năm 2006, Viettel Post chuyển đổi từ mô hình hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Bưu chính Viettel. Năm 2009, Bưu chính Viettel chính thức hoạt động với tư cách công ty cổ phần sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Ngày 13/04/2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, mã số doanh nghiệp 0104093672. Với việc cấp phép này Bưu chính Viettel chính thức là Tổng Công ty đầu tiên trong mô hình Tập đoàn Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội).

Với quan điểm phát triển bền vững và tầm nhìn trở thành Doanh nghiệp Chuyển phát "Nhanh nhất - Tin cậy nhất", Viettel Post định hướng tập trung đầu tư vào lĩnh vực Chuyển phát, Logistics với mạng lưới rộng khắp tại 34/34 tỉnh thành trên toàn quốc, tới tận thôn, xã, hải đảo.

Không chỉ tập trung phát triển dịch vụ trong nước, Viettel Post còn vươn mình trở thành doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát đầu tiên kinh doanh tại thị trường nước ngoài (Cambodia, Myanmar và Lào). Việc đầu tư ra thị trường nước ngoài không chỉ là một bước tiến táo bạo mà còn là khát khao muốn vươn mình tới tầm thế giới của Viettel Post.

Tháng 12/2024, Viettel Post ra mắt Công viên Logistics Viettel tại Lạng Sơn. Với tổng diện tích 143,7 ha và vốn đầu tư gần 3.300 tỷ đồng, đây là dự án trọng điểm, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Viettel Post trong việc tiên phong phát triển hạ tầng logistics quốc gia. Trung tâm này có khả năng xử lý 1.500 xe thông quan mỗi ngày, gấp đôi năng lực hiện tại của các cửa khẩu tại Lạng Sơn, cung cấp chuỗi dịch vụ logistics xuất nhập khẩu toàn trình từ thông quan, kiểm dịch, kiểm hóa, sang tải, lưu kho đến vận tải xuyên biên giới.

Đến nay, Viettel Post là một trong những doanh nghiệp chuyển phát hàng đầu tại Việt Nam, sở hữu mạng lưới hơn 2.200 bưu cục, cửa hàng, 1.000 tủ giao nhận thông minh, hơn 47.000 nhân sự và đội tác chuyên nghiệp, vận tải đường bộ 5.000 xe tải các loại vận hành thường xuyên, triển khai 6 đoàn tàu/ngày kết nối Bắc Nam; triển khai chuyên tuyến hàng không Việt Nam – Châu Âu/Mỹ; thời gian toàn trình nội miền 23 giờ (rút ngắn 4,5 giờ so với năm 2024); thời gian toàn trình liên miền 48 giờ (rút ngắn 9 giờ so với năm 2024). Tỷ lệ tự động hóa 98%, tỷ lệ chia chọn đúng 99%.

Hệ thống logistics được mở rộng, phát triển, đầu tư công nghệ hiện đại với tổng diện tích kho bãi đạt 1.200.000m², trong đó diện tích kinh doanh kho đạt 500.000 m²; hạ tầng mạng lưới, cơ sở vật chất và nhân lực có thể đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng lớn trong nước và các tập đoàn đa quốc gia.

Với khát vọng làm chủ công nghệ, Viettel Post đã tập trung đầu tư vào nguồn nhân lực trình độ cao và nền tảng công nghệ tiên tiến với hơn 300 chuyên gia/kỹ sư công nghệ thông tin ("CNTT"), hơn 500 máy chủ vật lý, hàng nghìn máy chủ ảo hóa, xây dựng 02 Trung tâm logistics với hệ thống Băng chuyển chia chọn hiện đại. Đây là hệ thống băng chuyển có khả năng chia chọn hàng nặng lên đến 50kg và hàng nhỏ trên cùng một kịch bản chia với nhiều hình dáng, bao gói khác nhau.

Hệ thống băng chuyển của Viettel Post có công suất chia chọn 42.000 bưu phẩm/1 giờ với 361 cổng chia hàng nhỏ và 41 cổng chia hàng nặng giúp tối ưu quy trình vận hành.

Trung tâm logistics của Viettel Post chính là hạ tầng logistics hoàn chỉnh, cung cấp giải pháp hoàn tất đơn hàng toàn diện cho khách hàng, đặc biệt là khách hàng Thương mại điện tử, giúp khách hàng chuyển hàng dễ hơn, an toàn hơn và nhanh hơn.

Có thể nói, với hơn 28 năm hình thành và phát triển, sự tham gia của Viettel Post tại thị trường bưu chính đã tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng và mang lại nhiều lựa chọn cho khách hàng Việt Nam.

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN

NĂM 2009	01/2009: Viettel Post chính thức cổ phần hóa theo Quyết định số 123/QĐ-BQP. 03/2009: Viettel Post chính thức bán cổ phiếu ra công chúng qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với số lượng 1.526.600 cổ phần với giá bình quân 10.171 đồng/cổ phần 06/2009: Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. 07/2009: Công ty cổ phần Bưu chính Viettel chính thức kinh doanh dịch vụ tại thị trường Cambodia.	NĂM 2020	11/2020: Giữ vững vị trí Top 1 công ty Logistics uy tín nhóm ngành chuyển phát nhanh.
NĂM 2011	02/2011: Bộ thông tin và Truyền thông cấp phép chuyển phát thư Quốc tế cho Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel. 03/2011: Thành lập Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Thành phố Hồ Chí Minh. 05/2011: Thành lập Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội.	NĂM 2021	01/2021: Khai trương Trung tâm Logistics miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Chính thức vận hành dịch vụ E-Fulfillment. Xây dựng hệ thống NOC để cảnh báo và điều hành các chỉ số hàng ngày đến từng đơn vị. Đồng thời, Viettel Post tiếp tục triển khai quy hoạch hạ tầng mạng lưới toàn quốc để phục vụ cho hoạt động bưu chính, chuyển phát và phát triển dịch vụ kho vận, mang đến cho khách hàng một hệ sinh thái dịch vụ hoàn chỉnh, từng bước khẳng định hình ảnh công ty chuyển phát “Nhanh nhất - Tin cậy nhất” trong mắt khách hàng.
NĂM 2012	04/2012: Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel với số đăng ký 0104093672 và vốn điều lệ 60 tỷ đồng.		Viettel Post vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì lần thứ hai do Nhà nước trao tặng và tiếp tục được vinh danh “Thương hiệu quốc gia” lần thứ V.
NĂM 2015	05/2015: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 30/2015/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 6.899.541 cổ phiếu.	NĂM 2023	Lĩnh vực Supply Chain có bước phát triển ấn tượng, cung cấp dịch vụ hoàn tất đơn hàng cho các khách hàng doanh nghiệp. 12/2023: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) đã ban hành Quyết định số 819/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết 1.217.830.420 cổ phiếu VTP.
NĂM 2016	Tổng Công ty đã thực hiện cuộc bứt phá thần tốc với 315 bưu cục được phát triển trong năm 2016, tương đương với số bưu cục mà Tổng Công ty mở được trong 18 năm trước đó.	NĂM 2024	01/2024: Khai trương Tổ hợp công nghệ chia chọn thông minh tại khu công nghiệp Quang Minh có mức tự động hóa cao nhất Việt Nam. 03/2024: Mã cổ phiếu VTP chính thức niêm yết trên sàn HOSE. 12/2024: Khai trương Công viên Logistics đầu tiên của Việt Nam tại khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn – mục tiêu trở thành cầu nối giao thương, kết nối 700 triệu dân ASEAN với thị trường 1,4 tỷ dân Trung Quốc, đồng thời nâng tầm Việt Nam thành trung tâm logistics chiến lược của khu vực ASEAN.
NĂM 2017	04/2017: Mở Công ty thành viên tại Myanmar, tiếp tục khẳng định Viettel Post là doanh nghiệp bưu chính Việt Nam đầu tiên và duy nhất đầu tư trực tiếp nước ngoài.	NĂM 2025	06/2025: Ra mắt giải pháp logistics toàn trình, cung cấp hệ sinh thái hậu cần trọn gói, đảm nhiệm toàn bộ chuỗi vận hành hàng hóa cho khách hàng, từ lưu kho, xử lý, vận chuyển cho đến giao tận tay người nhận. 10/2025: Khai trương hợp tác về chuyển phát giữa Viettel Post Lào với Unitel, là cơ sở cho việc mở rộng hợp tác giữa Viettel Post với Viettel Global ra thị trường nước ngoài
NĂM 2018	07/2018: Tổ chức tiếp nhận nhân sự và thực hiện điều hành kinh doanh các dịch vụ từ Tổng Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom) sang Viettel Post. Đồng thời, Viettel Post đã ra mắt ứng dụng giao hàng Viettel Post trên nền tảng website và thiết bị di động, tích hợp nhiều công nghệ đột phá đánh dấu bước chuyển mình của một doanh nghiệp truyền thống trong cuộc Cách mạng công nghệ 4.0. 11/2018: Cổ phiếu của Viettel Post chính thức giao dịch trên sàn UpCom với mã cổ phiếu VTP.		

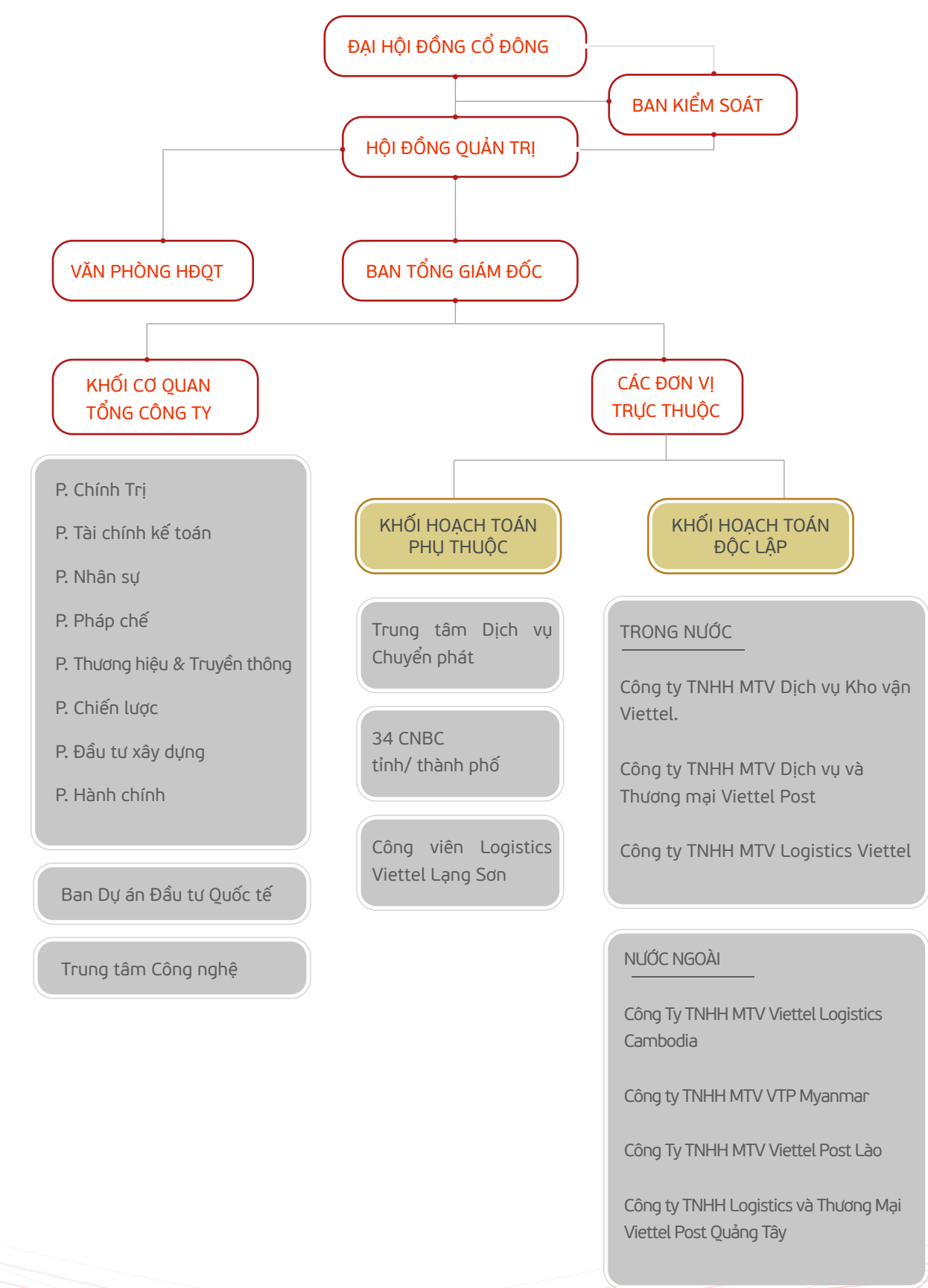
CÁC THÀNH TỰU CỦA VIETTEL POST

Năm 2010	Đón nhận giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng Bưu chính tại Việt Nam năm 2010” do Người tiêu dùng bình chọn.
Năm 2012	05/2012: Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba cho Viettel Post vì có thành tích xuất sắc trong công tác từ 2007 – 2011, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
Năm 2014	12/2014: Viettel Post đã được lựa chọn từ 1.500 hồ sơ, đại diện cho Viettel, Viettel Post cùng 62 thương hiệu mạnh khác đã được vinh danh trong lễ công bố Thương hiệu Quốc gia – Vietnam Value 2014.
Năm 2016	12/2016: Viettel Post được vinh danh trong lễ công bố thương hiệu Quốc gia lần thứ hai.
Năm 2017	- Bộ Thông tin và Truyền thông trao giải thưởng VICTA dành cho doanh nghiệp ứng dụng CNTT hiệu quả nhất. 05/2017: Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì. Đây là sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước và Quân đội đối với những đóng góp xuất sắc trong lao động sản xuất trong lao động sản xuất của Viettel Post từ năm 2012 - 2016.
Năm 2018	- Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng năm 2018. - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2018. - Giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2018.
Năm 2019	- Viettel Post là Công ty Vận tải và Logistics uy tín số 1 Việt Nam 2019 – Vietnam Report - Giải thưởng kinh doanh quốc tế IBA Stevie Award (2019): - Giải vàng CEO của năm trong ngành Giao thông – Vận tải. - Giải bạc công ty của năm trong ngành Giao thông – Vận tải. - Giải bạc sản phẩm dịch vụ tiêu biểu trong ngành vận tải: Ứng dụng Viettel Post. - Giải đồng bộ phận truyền thông của năm: Phòng Đào tạo truyền thông. - Giải vàng sản phẩm công nghệ đột phá – Stevie Award Châu Á Thái Bình Dương: Ứng dụng Viettel Post. - Giải bạc sản phẩm công nghệ tiêu biểu – IT Word Awards: Ứng dụng Viettel Post. - Danh hiệu Sao Khuê – Hiệp hội phần mềm dịch vụ CNTT Việt Nam (Vinasa): Ứng dụng Viettel Post.

Năm 2021	- Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế IBA Stevie Award (2021): - Giải thưởng CNTT Châu Á – Thái Bình Dương APICTA 2021. - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2021. - Giải thưởng TOP 1 Công ty uy tín ngành Logistics 2021 – VietnamReport. - Giải thưởng Make in Vietnam 2021: Giải Vàng hạng mục Nền tảng số xuất sắc - Giải thưởng Chuyển đổi số xuất sắc VDA 2021. - Danh hiệu sao Khuê 2021.
Năm 2022	- Đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Đảng và Nhà nước trao tặng để ghi nhận những thành tích xuất trong sản xuất kinh doanh từ năm 2017-2022. - Dịch vụ chuyển phát trong nước và quốc tế đạt giải thưởng Thương hiệu Quốc gia Việt Nam lần thứ 5. - Top công ty uy tín ngành logistics nhóm chuyển phát nhanh và giao hàng chặng cuối lần thứ 4 liên tiếp do Vietnam Report công bố.
Năm 2023	- Top 10 Công ty đại chúng quy mô lớn trên Upcom thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2022 – 2023 do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trao tặng. - Hệ thống NOC (Network Operation Center) đạt 3 giải vàng tại giải thưởng Công nghệ lớn nhất thế giới - IT World Awards: - Viettel Post đạt 3 giải cho 3 hạng mục đề cử tại Giải thưởng Kinh doanh quốc tế Stevie Awards 2023.
Năm 2024	- Top 500 doanh nghiệp phát triển nhất Việt Nam năm 2024. - Giải thưởng chuyển đổi số 2024 – Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc với việc ứng dụng các giải pháp công nghệ trong quy trình vận hành. - Thương hiệu Quốc gia 2024 – Dịch vụ chuyển phát nhanh Viettel Post. - Viettel Post đạt 3 giải cho 3 hạng mục đề cử tại Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế IBA Stevie Awards 2024
Năm 2025	- Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả (VIX50). - Top 50 Công ty Niêm yết Tốt nhất Việt Nam năm 2025. - Top 1 công ty uy tín ngành logistics. - Top 10 sản phẩm dịch vụ Tin dùng Việt Nam (Smartbox và dịch vụ vận tải). - Fortune Southeast Asia 500. 3 giải Vàng tại IT World Awards 2025. 1 giải Vàng, 1 giải Bạc, 1 giải Đồng tại IBA Stevie Awards 2025.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Viettel Post hoạt động theo mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
Cơ cấu bộ máy quản lý năm 2024.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY

- Định hướng hành động năm 2026 của Viettel Post là: “Đột phá hạ tầng – bứt phá thị phần”, trong đó:
- Lĩnh vực chuyển phát: Trở thành nhà cung cấp dịch vụ chuyển phát có chất lượng số 1 thị trường, sản lượng đáp ứng trên 500 triệu đơn hàng, cao điểm trên 2 triệu đơn/ ngày. Giữ vững thị phần cao với mức tăng trưởng gấp 2 – 3 lần thị trường. Hiện đại hóa hạ tầng theo hướng thông minh; nâng cao năng lực khai thác, vận hành.
 - Lĩnh vực kho vận: Mở rộng diện tích kho kinh doanh đạt trên 1 triệu m2, gấp 2 lần so với N2025. Là doanh nghiệp kho vận hàng đầu tại Việt Nam về công nghệ vận hành trong kho, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp quốc tế lớn.
 - Lĩnh vực vận tải: Đẩy mạnh đầu tư phương tiện vận tải, đưa Sàn Vận tải vào kinh doanh với mục tiêu quy mô phương tiện vận tải > 5.000 xe với trên 1.000 đối tác, triển khai các chuyên tuyến vận tải xuyên biên giới kết nối ASEAN – Trung Quốc, chuyên tuyến trực Bắc – Nam. Triển khai kinh doanh vận tải đa phương thức với đa dạng hình thái phục vụ: đường bộ, đường sắt, hàng không, đường biển.
 - Lĩnh vực thương mại: DVTM được xác định là một trong năm trụ cột chính của Tổng công ty trong giai đoạn 2026-2030 với mục tiêu tăng trưởng từ 56-100%/năm. Các hoạt động kinh doanh thương mại gắn liền với hệ sinh thái và lợi thế của VTPost bao gồm: Cung cấp sản phẩm nguyên vật liệu/công cụ chất lượng có hàm lượng công nghệ trong lĩnh vực logistics; Sản xuất/phân phối một số sản phẩm thiết yếu lĩnh vực FMCG.
 - Đẩy mạnh kinh doanh tại Lào, Campuchia, Trung Quốc, thiết lập mạng lưới logistics xuyên biên giới, kết nối giữa Asean – Trung Quốc.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiên phong Công nghệ – Chất lượng, Tốc độ và An toàn hàng đầu
- Phổ cập dịch vụ chuyển phát, góp phần phát triển mạng lưới bưu chính quốc gia, giúp người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện nhất.
- Cung cấp giải pháp logistics toàn diện: chuyển phát, chuỗi cung ứng, vận tải trong nước quốc tế, hạ tầng phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa cho các ngành kinh tế trọng yếu của quốc gia, góp phần giảm chi phí logistics.
- Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ toàn diện theo hướng thông minh, với phương châm làm chủ và thực hiện thương mại các sản phẩm công nghệ logistics

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN

- Đầu tư, xây dựng hạ tầng Logistics của Viettel trên 05 lĩnh vực: Chuyển phát, Kho vận, Vận tải, Thương mại dịch vụ và Thị trường quốc tế nhằm cung cấp dịch vụ logistics toàn trình trong nước, quốc tế, kết nối hàng hóa giữa Việt Nam, Trung Quốc, các nước ASEAN.
- Làm chủ công nghệ trong lĩnh vực logistics, hiện đại hóa hạ tầng, nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp logistics thông minh.
- Đào tạo, nâng cao chuyên môn, xây dựng lực lượng nhân sự chất lượng cao, đảm bảo nguồn nhân lực cho việc mở rộng kinh doanh và triển khai các dự án trọng điểm trong dài hạn.

RỦI RO

- Sự cạnh tranh khốc liệt về giá giữa các doanh nghiệp chuyển phát làm suy giảm lợi nhuận, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của ngành cũng như của doanh nghiệp.
- Đảm bảo an toàn dữ liệu của hàng triệu đơn hàng mỗi ngày.
- Rủi ro về nhân lực khi Viettel Post sử dụng số lượng lao động lớn.
- Rủi ro về hoạt động tại thị trường nước ngoài bao gồm rủi ro về pháp luật, tỷ giá, chính sách, bên cạnh đó là các rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hóa, thủ tục pháp lý và thói quen của khách hàng, nhân tố con người, quy trình và hệ thống.
- Rủi ro về biến động giá sản phẩm, dịch vụ đầu vào như giá xăng dầu.

CÔNG TY CON DO VIETTEL POST NẴM GIỮ CỔ PHẦN, VỐN GÓP CHI PHỐI:

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KHO VẬN VIETTEL	
Địa chỉ:	Số 1, phố Giang Văn Minh, Phường Giảng Võ, Hà Nội
Vốn điều lệ đăng ký:	10.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	10.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính:	Dịch vụ Kho/bãi, Vận chuyển từ kho, Tư vấn giải pháp quản lý kho
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post:	100%
(**) Ngày 26/02/2026, HĐQT Viettel Post đã ban hành Nghị quyết số 72/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel thêm 10,2 tỷ đồng, mức vốn điều lệ sau tăng vốn là 20,2 tỷ đồng. Hiện Viettel Post đang thực hiện các thủ tục tăng vốn và đăng ký doanh nghiệp theo quy định.	

CÔNG TY TNHH MTV LOGISTICS VIETTEL	
Địa chỉ:	Số 2 Bis, Khu Z11, Quốc lộ 1A, Khu phố 2, Phường Trung Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ đăng ký:	10.000.000.000 đồng*
Vốn điều lệ thực góp:	10.000.000.000 đồng*
Ngành nghề kinh doanh chính:	Khai thác, chia chọn và vận tải hàng hóa đa phương thức
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post:	100%
(*) Ngày 11/02/2026, HĐQT Viettel Post đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Logistics Viettel thêm dự kiến 100 tỷ đồng, để thực hiện dự án đầu tư phương tiện vận tải của Công ty. Góp vốn từ nguồn Viettel Post chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.	

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI VIETTELPOST	
Địa chỉ:	Tòa nhà N2, Km số 2, Đại lộ Thăng Long, P. Đại Mỗ, Hà Nội.
Vốn điều lệ đăng ký:	39.493.334.761 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	39.493.334.76 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính:	Bán buôn, Bán lẻ các loại hàng hóa và dịch vụ, Đại lý, Quản lý vận hành viễn thông
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post:	100%

CÔNG TY TNHH MTV LOGISTICS VÀ THƯƠNG MẠI VIETTEL POST (QUẢNG TÂY)	
Địa chỉ:	Phòng 409, Tòa nhà văn phòng phía Nam – Trung tâm Hoa Nhuận Nam Ninh, số 136-5 Đại lộ Dân tộc, quận Thanh Tú, TP. Nam Ninh, Trung Quốc.
Vốn điều lệ đăng ký:	1.371.032 USD
Vốn điều lệ thực góp:	1.371.032 USD
Ngành nghề kinh doanh chính:	Chuyển phát, Kho vận, Vận tải, Thương mại dịch vụ
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post:	100%

CÔNG TY TNHH MTV VIETTEL LOGISTICS CAMBODIA	
Địa chỉ:	#BB05 St. 101, Sangkat Boeng Trabek, Khan Chamkar-mon, Phnom Penh, Cambodia
Vốn điều lệ đăng ký:	555.500 USD
Vốn điều lệ thực góp:	555.500 USD
Ngành nghề kinh doanh chính:	Chuyển phát, Kho vận, Vận tải, Thương mại dịch vụ
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post:	100%

CÔNG TY TNHH MTV VTP MYANMAR	
Địa chỉ:	No. 442/426, Unit #08-01, #08-02, corner of Stand Road and Botahtaung Pagoda Road, Botahtaung Township, Yangon Region, Myanmar.
Vốn điều lệ đăng ký:	300.000 USD
Vốn điều lệ thực góp:	150.000 USD
Ngành nghề kinh doanh chính:	Dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ logistics, dịch vụ hải quan, cho thuê xe
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post:	100%

CÔNG TY TNHH MTV VIETTEL POST LÀO	
Địa chỉ:	Phonsinoun, Sisattanak, Viêng Chăn, Laos.
Vốn điều lệ đăng ký:	5.340.801 USD
Vốn điều lệ thực góp:	3.629.044 USD
Ngành nghề kinh doanh chính:	Chuyển phát, Kho vận, Vận tải, Thương mại dịch vụ
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post:	100%

Chương 2

GIỚI THIỆU BỘ MÁY LÃNH ĐẠO

- ♦ Giới thiệu Hội đồng quản trị
- ♦ Giới thiệu Ban điều hành
- ♦ Giới thiệu Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Số lượng cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2025 hoặc ngày miễn nhiệm)



ÔNG NGUYỄN VIỆT DŨNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Việt Dũng gia nhập Tập đoàn Viettel từ những ngày đầu thành lập và trải qua nhiều vị trí trong Tập đoàn như Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Viễn thông Viettel, Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, Trưởng Ban Chiến lược của Tập đoàn Viettel. Từ tháng 4/2019 đến tháng 08/2024, ông Dũng là thành viên HĐQT của Viettel Post. Từ tháng 08/2024 đến nay, ông Dũng được bầu là Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 02/2025, ông Dũng được Hội đồng quản trị tin tưởng giao nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 44.456.823 cổ phần (chiếm 36,50% vốn điều lệ)
đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội



ÔNG PHÙNG VĂN CƯỜNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế và quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Ông Phùng Văn Cường là cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông, giải pháp doanh nghiệp tại thị trường trong nước và nước ngoài. Ông từng đảm nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel, Tổng Giám đốc Metfone (Viettel Cambodia). Từ tháng 9/2022 đến tháng 2/2025, ông Cường là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel - đơn vị phụ trách hoạt động đầu tư viễn thông ra nước ngoài của Tập đoàn Viettel. Từ tháng 02/2025, ông Cường được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Viettel Post và từ 04/2025 được bổ nhiệm là thành viên HĐQT của Viettel Post.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 14.818.941 cổ phần (chiếm 12,17% vốn điều lệ) - đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.



BÀ TRẦN THỊ TỐ MỸ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế - Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Bà Trần Thị Tố Mỹ là cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong quản lý tài chính, kế toán tại Tập đoàn Viettel: Phó Phòng, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính của Tổng Công ty Viễn thông Viettel (từ 2012 - 2023); Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính của Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (từ 2023 – 2025); từ 2025 đến nay là Phó Ban, Trưởng Ban Đầu tư tài chính Tập đoàn Viettel.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 14.818.941 cổ phần (chiếm 12,17% vốn điều lệ) - đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.



ÔNG ĐINH THANH SƠN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Gia nhập Viettel Post năm 2004 với vị trí trưởng Bưu cục Cầu Giấy. Ông Đinh Thanh Sơn đã trải qua nhiều vị trí trong Viettel Post. Từ 2017 đến nay, ông Đinh Thanh Sơn được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc. Năm 2020 đến nay, ông được bầu là thành viên HĐQT. Ông Sơn là cán bộ có nhiều kinh nghiệm về quản lý, vận hành kinh doanh chuyển phát.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 5.402 cổ phần (Chiếm 0,044% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG PHÙNG VIỆT THẮNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Ông Phùng Việt Thắng là chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực Công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Ông Thắng đã từng đảm nhiệm cương vị tại các Tập đoàn công nghệ hàng đầu như: Giám đốc kinh doanh - Công ty Oracle Việt Nam, Giám đốc Quốc gia - Tập đoàn Autodesk Inc, Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT, Giám đốc kinh doanh Quốc gia - Thành viên Ban Lãnh đạo - Công ty TNHH Microsoft Việt Nam, Giám đốc Tư vấn chuyển đổi số, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Hiện tại ông Thắng đang là Giám đốc khối kinh doanh, Công ty TNHH Intel Việt Nam.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG HOÀNG TRUNG THÀNH

NGUYÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ điện tử viễn thông, quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Ông Hoàng Trung Thành là cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại thị trường trong nước và nước ngoài. Ông từng là Tổng Giám đốc Công ty Viễn thông tại nước ngoài như Viettel Cambodia, Viettel Timor, Viettel Myanmar. Từ năm 2022 đến tháng 2/2025, ông Hoàng Trung Thành được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc của Viettel Post. Từ tháng 2/2025, ông Thành được Tập đoàn Viettel điều động giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel và thôi là thành viên HĐQT của Viettel Post từ tháng 04/2025.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG NGUYỄN THANH NAM

NGUYÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Vô tuyến điện tử và Thông tin liên lạc.

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Thanh Nam có nhiều năm kinh nghiệm là quản lý cấp cao tại Tổng Công ty Mạng lưới Viettel, Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, Công ty Viettel Myanmar (Mytel), từ tháng 11/2018 đến 07/2024, ông Nam là Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Tập đoàn Viettel). Từ năm 2021 đến tháng 08/2024, ông Nguyễn Thanh Nam là Chủ tịch HĐQT của Viettel Post. Ngày 17/08/2024, ông Nam đã có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT để nghỉ hưu theo chế độ và thôi là thành viên HĐQT của Viettel Post từ tháng 04/2025..

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

BAN ĐIỀU HÀNH

(Số lượng cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2025 hoặc ngày bổ nhiệm)



ÔNG PHÙNG VĂN CƯỜNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

(Vui lòng theo dõi thông tin tại mục thành viên Hội đồng quản trị)



ÔNG HOÀNG TRUNG THÀNH
NGUYÊN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Vui lòng theo dõi thông tin tại mục thành viên Hội đồng quản trị)



ÔNG ĐINH THANH SƠN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Vui lòng theo dõi thông tin tại mục thành viên Hội đồng quản trị)



ÔNG PHẠM VĂN TUYÊN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Ông Phạm Văn Tuyên đã có hơn 20 năm làm việc tại Viettel Post và giữ nhiều chức vụ như Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc, Giám đốc các công ty con của Viettel Post như Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội, Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh, Công ty TNHH MTV Logistics Viettel. Từ năm 2019 đến nay ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc của Viettel Post. Từ 2025 đến nay là Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 6.424 cổ phần (chiếm 0,005% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG LÊ TUẤN ANH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư công nghệ thông tin

Quá trình công tác:

Ông Lê Tuấn Anh có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Công nghệ, đã từng đảm nhiệm việc quản lý Trung tâm Phần mềm, Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Tổng Công ty Viễn thông Viettel. Từ năm 2022 đến nay, ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc của Viettel Post.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG NGUYỄN TIẾN DŨNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Tiến Dũng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực viễn thông, đã từng đảm nhiệm nhiều chức danh như: Trưởng phòng Kinh doanh – Viettel Hà Nội, Phó Giám đốc – Viettel Vĩnh Phúc, Giám đốc chi nhánh tại các thị trường nước ngoài như Viettel Cambodia, Viettel Peru, Phó Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc Viettel Tanzania. Từ năm 2025, ông Dũng được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc của Viettel Post.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG CẤN LONG GIANG

NGUYÊN PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:

Học viện Chính trị quân sự

Quá trình công tác:

Ông Cấn Long Giang có nhiều kinh nghiệm quản lý về công tác chính trị, nhân sự tại Tập đoàn Viettel, ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ nhiệm Cơ quan Chính trị - Tập đoàn Viettel, Trưởng phòng Chính trị, nhân sự - Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, Phó Giám đốc – Công ty Viettel Cameroon. Từ năm 2022 đến tháng 02/2025, ông là Phó Tổng Giám đốc của Viettel Post. Từ tháng 2/2025, ông Giang được Tập đoàn Viettel điều động giữ chức vụ Phó Ban Tổ chức nhân lực của Tập đoàn.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 55 cổ phần (chiếm 0,00005% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG NGUYỄN BÌNH MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn:

Đại học tài chính – ngân hàng

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Bình Minh được bổ nhiệm là Kế toán trưởng của Viettel Post từ năm 2022. Trước khi làm việc tại Viettel Post, ông đã từng đảm nhiệm chức danh Trưởng phòng Tài chính của chi nhánh Viettel tỉnh, chuyên viên Ban Tài chính kế toán của Tập đoàn Viettel, Kế toán trưởng công ty viễn thông tại thị trường Tanzania.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



BÀ LÊ THỊ THANH THOẢNG
Trưởng Ban Kiểm Soát

Bà Lê Thị Thanh Thoảng đã có hơn 15 năm làm việc tại Viettel Post, có nhiều kinh nghiệm về công tác tài chính, kế toán tại Viettel Post; công ty con của Viettel Post như Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh, Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội. Từ năm 2018 đến nay, bà Thoảng được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm soát của Viettel Post và từ tháng 01/2026 là Trưởng Ban Kiểm soát của Viettel Post.

Chứng khoán cá nhân sở hữu:
1000 cổ phần (chiếm 0,0008% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu:
0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG LÊ QUANG TIỆP
Thành Viên Ban Kiểm Soát

Quá trình công tác: Lê Quang Tiệp có nhiều kinh nghiệm về công tác kiểm toán, kế toán: Trợ lý Kiểm toán tại Công ty Kiểm toán AASC (2009 – 2010), Chuyên viên Kiểm toán thuộc Ban Thanh tra kiểm toán của Tập đoàn Viettel. Từ năm 2018 – 2025, ông Tiệp là thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel. Từ tháng 04/2025 – 01/2026, là Trưởng Ban Kiểm soát của Viettel Post. Từ 01/2026 – nay, là thành viên Ban Kiểm soát của Viettel Post

Chứng khoán cá nhân sở hữu:
0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu:
0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



BÀ NGUYỄN THỊ THANH
Thành Viên Ban Kiểm Soát

Bà Nguyễn Thị Thanh đã có hơn 10 năm làm việc tại Viettel Post, có nhiều kinh nghiệm về công tác tài chính, kế toán tại Viettel Post; công ty con của Viettel Post như Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh, Công ty TNHH MTV Logistics Viettel. Từ năm 2018 đến nay, bà Thanh được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm soát của Viettel Post và hiện đang là Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettelpost.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 100 cổ phần (chiếm 0,0001% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH
Nguyên thành viên,
Trưởng Ban Kiểm Soát Chuyên Trách

Ông Nguyễn Ngọc Anh nguyên là Kế toán trưởng của Viettel Post (từ 2004 – 2015). Từ năm 2018 đến 2025, ông được bổ nhiệm là Trưởng Ban Kiểm soát của Viettel Post. Tháng 04/2025, ông Nguyễn Ngọc Anh thôi là thành viên Ban Kiểm soát.

Chứng khoán cá nhân sở hữu: 4 cổ phần (chiếm 0,000003% vốn điều lệ).

Chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

NHỮNG THAY ĐỔI CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

Đại hội đồng cổ đông đã ban hành Nghị quyết về việc:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thanh Nam và ông Hoàng Trung Thành, đồng thời bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Phùng Văn Cường và bà Trần Thị Tố Mỹ.
- Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Nguyễn Ngọc Anh và bổ nhiệm ông Lê Quang Tiệp là thành viên thay thế.

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết về công tác nhân sự Ban Điều hành như sau:

- Tháng 02/2025, miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Hoàng Trung Thành, Phó Tổng Giám đốc đối với ông Cấn Long Giang.
- Đồng thời, bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Phùng Văn Cường.

Ban Kiểm soát đã có những điều chỉnh về chức danh Trưởng Ban Kiểm soát như sau:

- Tháng 04/2025: bổ nhiệm ông Lê Quang Tiệp là Trưởng Ban.
- Tháng 01/2026: bổ nhiệm bà Lê Thị Thanh Thoảng là Trưởng Ban.

Chương 3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA VIETTEL POST 2025

- ♦ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ♦ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Viettel Post
- ♦ Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	Tỷ lệ
SỐ LIỆU HỢP NHẤT						
1	Tổng doanh thu & TN khác	Tỷ đồng	20.825,96	21.028,15	20.684,27	98,36%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	483,33	506,10	514,57	101,67%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	383,09	404,88	404,89	100,00%
4	ROE	%	24,28%	18,78%	23,70%	126,22%
SỐ LIỆU CÔNG TY MẸ						
1	Tổng doanh thu & TN khác	Tỷ đồng	19.117,86	19.252,10	16.321,66	84,78%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	457,02	475,73	475,41	99,93%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	377,68	380,59	400,31	105,18%
4	ROE	%	24,31%	17,77%	23,86%	134,24%
5	Cổ tức bằng tiền	%	10,81%	10-15%	Đề xuất trả cổ tức bằng cổ phiếu	

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2025, VTPost hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận:

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 100% KH (404,89 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 105,18% (400,31 tỷ đồng).

Đối với doanh thu, năm 2025 VTPost giảm kinh doanh thẻ cào giấy có tỷ suất lợi nhuận thấp, đóng góp nhỏ trong lợi nhuận chung, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi như Chuyển phát, Kho vận, Vận tải, Thương mại dịch tăng trưởng cao 33,9%, là động lực chính cho sự phát triển dài hạn, bền vững của VTPost.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ TÀI SẢN

Các khoản đầu tư lớn: Tài sản đầu tư mới trong năm 2025 là 506,79 tỷ đồng (chủ yếu máy móc, thiết bị), lũy kế nguyên giá tài sản đã đầu tư là 1.893,7 tỷ đồng

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính năm 2025 tăng 632,05 tỷ đồng, lũy kế đến 31/12/2025 đầu tư tài chính 2.092,53 tỷ đồng, tăng 43,28% so với năm 2024

TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON

- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel.
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettelpost.
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel.
- Công ty TNHH MTV Viettel Logistics Cambodia.
- Công ty TNHH MTV VTP Myanmar.
- Công ty TNHH MTV Viettel Post Lào.
- Công ty TNHH MTV Logistics và Thương mại Viettel Post (Quảng Tây).

Trong năm 2025, các Công ty con trong nước của Viettel Post hoạt động ổn định, theo đúng mục tiêu đề ra, đồng thời Hội đồng quản trị Viettel Post phê duyệt kế hoạch để tái cấu trúc hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả, hỗ trợ tối đa các hoạt động kinh doanh chính của Viettel Post. Theo đó, Công ty Dịch vụ kho vận Viettel (tên cũ Công ty Công nghệ Bưu chính Viettel) từ đơn vị đơn thuần cung cấp dịch vụ giao nhận cho Viettel Post, thực hiện đổi tên công ty và tập trung phát triển hoạt động kho vận (như dịch vụ Kho/bãi, Vận chuyển từ kho, Tư vấn giải pháp quản lý kho).

Tại Trung Quốc, Công ty Logistics và Thương mại Viettel Post (Quảng Tây) chính thức thành lập vào tháng 2/2026, hiện Viettel Post đã góp đủ vốn đầu tư.

Tại Lào, Công ty Viettel Post Lào hoàn thiện các thủ tục pháp lý và triển khai hoạt động kinh doanh, hoàn thành 101% kế hoạch doanh thu. Thực hiện hợp tác với Công ty Unitel (đơn vị kinh doanh viễn thông của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel tại Lào) để thực hiện triển khai kinh doanh chuyển phát. Đây sẽ là mô hình hợp tác sẽ nhân rộng trong thời gian tới tại các thị trường nước ngoài mà 2 bên có hoạt động đầu tư.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7.518,68	6.363,56	18,15%
Doanh thu thuần	20.574,07	20.734,67	-0,77%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	521,2	482,75	7,96%
Lợi nhuận khác	-6,63	0,57	-1263,2%
Lợi nhuận trước thuế	514,57	483,33	6,46%
Lợi nhuận sau thuế	404,89	383,09	5,69%

CÔNG TY MẸ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.808,41	5.882,94	-1,27%
Doanh thu thuần	16.063,31	18.959,59	-15,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	459,88	456,96	0,64%
Lợi nhuận khác	15,53	0,05	30.960%
Lợi nhuận trước thuế	475,41	457,02	4,02%
Lợi nhuận sau thuế	400,31	377,68	5,99%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Dự kiến trả cổ tức bằng cổ phiếu	10,81% (tiền mặt)	

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán).

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

HỢP NHẤT

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,09 1,06	1,01 0,95
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,76 3,25	0,75 3,01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	23,27 2,96	23,30 3,24
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,97% 23,70% 5,90% 2,53%	1,85% 24,28% 5,92% 2,33%

CÔNG TY MẸ

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,16 1,14	1,00 0,93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,70 2,34	0,73 2,75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	20,28 2,75	23,48 3,24
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,49% 23,86% 6,89% 2,86%	1,99% 24,31% 6,34% 2,41%

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán).

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025, Viettel Post đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn.

Tổng Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như: Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN... đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật. Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Viettel Post đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Viettel Post theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ, từ đó tạo động lực thúc đẩy Viettel Post tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành linh hoạt, hiệu quả, góp phần duy trì và thúc đẩy tăng trưởng cao của dịch vụ lõi chuyển phát.

Đối với lĩnh vực kho vận, Ban Tổng Giám đốc đã thành công trong việc đưa Trung tâm Supply Chain tách ra thành công ty độc lập (Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel) và cùng với các lĩnh vực vận tải, thương mại dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo đó, HĐQT xác định 05 định hướng hoạt động và trọng tâm công tác, chỉ đạo năm 2026 như sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các đột phá đặc biệt là đột phá chất lượng dịch vụ trên cả 04 dịch vụ cốt lõi một cách triệt để, bao gồm:
 - Đột phá về công nghệ, chuyển đổi số.
 - Đột phá về phát triển hạ tầng.
 - Đột phá về cơ chế, chính sách.
 - Đột phá về quản trị nâng cao chất lượng nguồn lực nhất là nguồn lực thích ứng cho chuyển đổi số, bán hàng và phát triển sản phẩm.
 - Đột phá về hợp tác kinh doanh tại thị trường nước ngoài.

2. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, định hướng, giám sát quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống người lao động:
 - Chuyển dịch cơ cấu doanh thu/khách hàng theo hướng hiệu quả, bền vững, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.
 - Nâng cao hơn nữa năng lực quản lý rủi ro thông qua đổi mới các công cụ đo lường, kiểm soát rủi ro trong quản lý tiền – hàng tại các đơn vị sản xuất trực tiếp: tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát độc lập, nghiên cứu trang bị các giải pháp cảnh báo sớm theo hướng tự động hoá.

3. Chỉ đạo tập trung hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026 bám sát Chiến lược phát triển cho giai đoạn 2026-2030:
Chỉ đạo toàn hệ thống nỗ lực cao nhất để “tăng tốc về đích” trong năm 2026, năm đầu tiên của giai đoạn 2026-2030.
Mục tiêu đến năm 2030, VTPost giữ vững là công ty chuyển phát số 01 tại Việt Nam, tham gia sâu vào chuỗi giá trị lĩnh vực logistics toàn cầu và xuyên biên giới.

4. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐQT và các ủy ban trực thuộc, hướng tới tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại và đáp ứng thông lệ quốc tế:
 - Nâng cao năng lực quản trị điều hành; năng lực lãnh đạo, quản lý; năng lực dự báo; năng lực phản ứng chính sách; năng lực thích ứng và thường xuyên phối hợp, trao đổi, hội ý giữa các thành viên HĐQT và tăng cường làm việc trực tiếp với các thành viên Ban Điều hành và các đơn vị có liên quan.
 - Tiếp tục triển khai có hiệu quả, cân đối hài hoà các chức năng cơ bản của HĐQT, trong đó năm 2026 tập trung đẩy mạnh công tác hoạch định chiến lược và giám sát cấp cao thông qua việc chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa, ban hành lại hệ thống văn bản chế độ, phân cấp thẩm quyền, chuẩn hóa mẫu biểu, luồng trình, kế hoạch hóa các chương trình làm việc của HĐQT.

5. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác
 - Chỉ đạo và giám sát các hoạt động đầu tư đúng tiến độ, đưa vào hoạt động nhanh mang lại hiệu quả kinh tế bền vững; thúc đẩy các hoạt động M&A tại các lĩnh vực cốt lõi nhằm mở rộng hạ tầng kinh doanh.
 - Chỉ đạo nâng cao năng lực tài chính thông qua cải thiện cơ cấu, chất lượng tài sản và đẩy nhanh hoạt động tăng vốn; chỉ đạo nâng cao sức mạnh và giá trị thương hiệu của VTPost.
 - Áp dụng thẻ điểm ACGS vào hoạt động của VTPost.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, Viettel Post hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận. Hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm:

- 1. Cung cấp giải pháp toàn trình cho logistics xuyên biên giới:** Công viên Lạng Sơn đi vào hoạt động và ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ hoạt động kinh doanh, cũng như các điều kiện đảm bảo:
- Cao điểm phục vụ đến 50% xe xuất khẩu, 24 % xe nhập khẩu, đến tháng 10 doanh thu đã bù đắp được chi phí.
 - Hạ tầng kinh doanh được mở rộng: nhận bàn giao 13.4 ha phục vụ kinh doanh, bổ sung khu vực sang tải có mái che, khu vực sang tải telecopics...
 - Đẩy mạnh ứng dụng hệ thống CNTT thanh toán điện tử, điều lệnh tự động, hệ thống cổng thông minh, đảm bảo KPI vận hành xe nhập < 3h/lượt, xe xuất < 30 phút/lượt.
 - Cung cấp đầy đủ dịch vụ theo đề án, bổ sung dịch vụ phụ trợ như vệ sinh nông sản, sửa chữa xe cộ, hợp tác cung cấp xăng dầu. Công viên đã được công nhận là địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Hoàn thành cấp phép kho Ngoại quan vào T11/2025.

2. Đầu tư có trọng điểm, tập trung vào các hạng mục đã xác định theo chiến lược phát triển của TCT

- Tăng vốn cho các công ty DVTM (29,5 tỷ) để mở rộng quy mô kinh doanh.
- Đầu tư hệ thống chia chọn mở rộng tại Trung tâm khai thác 3 (TP. HCM).
- Khởi công đầu tư TT.logistics tại Đà Nẵng với diện tích 8.6 ha (T10/2025).
- Đầu tư 1000 tủ Smartbox để phổ cập DV bưu chính.

3. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư thị trường nước ngoài: Tăng cường hợp tác với VTG trong việc mở rộng DV chuyển phát ra thị trường nước ngoài

- Thị trường Lào: VTP Lào & Unitel hợp tác kinh doanh khai trương DV chuyển phát, lấy thương hiệu Unitel Logistics. Doanh thu đạt 79 tỷ, hoàn thành 101%KH.
- Thị trường Campuchia, Myanmar: thống nhất mô hình, hoàn thiện các thủ tục, dự kiến khai trương dịch vụ Q2/26.
- Thị trường Trung Quốc: dự kiến đưa công ty vào hoạt động Q2/26.

4. Đưa sàn TMĐT B2B ViPo vào kinh doanh

- Chuyển từ mô hình Sàn mua hộ sang mô hình thương mại điện tử xuyên biên giới, kết quả bước đầu tương đối khả quan đạt 25.5 tỷ ~ 0.68% tổng Delta, 8.6% Delta thương mại, phần đầu doanh số trung bình ngày năm 2026 đạt tối thiểu 1 tỷ/ngày.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực Logistics do VTPost làm chủ và sản xuất

- Hoàn thiện các nền tảng logistics lõi như: TMS, WMS, Chuyển phát.
- Phát triển các nền tảng mới: Chợ giao nhanh, Vipo, Smart Box, sàn vận tải.
- Tiên phong nghiên cứu phát triển các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực logistics: drone, xe tự hành, robot AGV.
-

6. Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tổ chức đào tạo 2 khóa nguồn quản lý, 4 khóa nguồn Trưởng Bưu cục với 146 học viên; đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, kỹ năng kinh doanh trong lĩnh vực logistics cho Ban GD các Chi nhánh, Công ty, cán bộ quản lý TCT; đào tạo kỹ năng ứng dụng AI, Power BI cho cán bộ quản lý cấp Chi nhánh, Bưu cục giúp nâng cao năng suất lao động.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2025	31/12/2024
1.Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	5.680,15	4.728,46
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	349,83	389,55
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	2.643,49	2.157,32
+ Hàng tồn kho	Tỷ đồng	152,68	279,32
+ Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	441,63	471,79
2.Tài sản dài hạn:	Tỷ đồng	1.838,52	1.635,10
+ Tài sản cố định	Tỷ đồng	1.062,46	744,92
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ đồng	-	30,00
+ Tài sản dài hạn khác	Tỷ đồng	499,94	438,81
Tổng cộng tài sản :	Tỷ đồng	7.518,68	6.363,56
3.Các chỉ tiêu đánh giá:			
Vòng quay tài sản = DTT/TTSbq	Vòng	2,96	3,24
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	6,84%	7,55%

CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2025	31/12/2024
1.Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	4.105,55	4.216,65
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	180,10	204,04
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	1.666,62	1.923,27
+ Hàng tồn kho	Tỷ đồng	49,09	277,26
+ Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	156,75	402,39
2.Tài sản dài hạn:	Tỷ đồng	1.702,86	1.666,29
+ Tài sản cố định	Tỷ đồng	1.036,30	740,33
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ đồng	155,24	108,30
+ Tài sản dài hạn khác	Tỷ đồng	428,77	410,66
Tổng cộng tài sản :	Tỷ đồng	5.808,41	5.882,94
3.Các chỉ tiêu đánh giá:			
Vòng quay tài sản = DTT/TTSbq	Vòng	2,75	3,24
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	8,18%	7,80%

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán).

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

HỢP NHẤT

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024
	Nợ ngắn hạn	5.211,68	4.676,14
1.	Vay và nợ ngắn hạn	1.347,95	1.375,52
2.	Phải trả người bán	802,45	660,90
3.	Người mua trả tiền trước	30,2	3,99
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	168,89	122,52
5.	Phải trả người lao động	945,42	581,56
6.	Chi phí phải trả	531,81	329,88
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	1.341,37	1.470,16
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	29,81	42,94
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13,77	88,65
	Nợ dài hạn	538,79	98,96
10.	Vay và nợ dài hạn	502,88	72,50
11.	Phải trả dài hạn khác	35,91	26,45
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc		
	Tổng cộng	5.750,47	4.775,10

CÔNG TY MẸ

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024
	Nợ ngắn hạn	3.550,70	4.215,23
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	633,74	517,25
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2,22	1,58
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	45,39	97,66
4.	Phải trả người lao động	199,94	468,01
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	403,67	232,33
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4,55	16,96
7.	Phải trả ngắn hạn khác	902,62	1.417,27
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.344,80	1.375,52
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13,77	88,65
	Nợ dài hạn	517,04	98,96
10.	Vay và nợ dài hạn	502,88	72,50
11.	Phải trả dài hạn khác	14,16	26,45
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc		
	Tổng cộng	4.067,74	4.314,19

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Ban Điều hành đã chủ động nghiên cứu và tham mưu trình Đảng ủy, Hội đồng quản trị Tổng Công ty xem xét thông qua việc tổ chức lại, kiện toàn mô hình tổ chức các đơn vị:

Sắp xếp lại các Chi nhánh tỉnh/thành phố trên toàn quốc theo định hướng sáp nhập tỉnh của Nhà nước.

Đưa Trung tâm Supply Chain về Công ty Công nghệ Bưu chính Viettel và đổi tên thành Công ty Dịch vụ Kho vận Viettel, chịu trách nhiệm kinh doanh đối với lĩnh vực kho vận.

Đưa Trung tâm Dịch vụ Chuyển phát từ đơn vị thuộc khối cơ quan thành Chi nhánh, để tổ chức SXKD toàn trình, tự ghi nhận doanh thu, hạch toán chi phí, tối ưu lợi nhuận. Các Phòng thuộc khối cơ quan của Viettel Post sẽ không tham gia trực tiếp kinh doanh, chỉ tập trung sâu vào công tác quản trị, chiến lược, điều phối hoạt động chung giữa các lĩnh vực kinh doanh.

Bên cạnh đó, Viettel Post xác định yếu tố chất lượng sẽ là gốc, cốt lõi để cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ chuyển phát và hoạt động xã hội hóa sẽ là giải pháp để nâng cao quy mô hạ tầng, mạng lưới của Viettel Post trong bối cảnh nguồn lực còn nhiều hạn chế.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Viettel Post phấn đấu sẽ trở thành Công ty chuyển phát số 1 tại Việt Nam dựa trên nền tảng công nghệ cao, định vị hình ảnh là đơn vị chuyển phát “Nhanh nhất - Tin cậy nhất” trên thị trường.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: KHÔNG

Chương 4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ♦ Hoạt động của Hội đồng quản trị
- ♦ Hoạt động của Ban Kiểm soát
- ♦ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
- ♦ Giao dịch với người có liên quan, Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan
- ♦ Quan hệ cổ đông
- ♦ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 để thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD năm 2025, phân phối lợi nhuận năm 2024, bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã tiến hành 20 cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai các nhiệm vụ Đại hội đã thông qua, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến mô hình tổ chức, công tác nhân sự, tăng vốn cho các công ty con...

Về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập – ông Phùng Việt Thắng: Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT và tham dự các sự kiện của Công ty qua đó nắm bắt các hoạt động, đưa ra những khuyến nghị đối với HĐQT và Ban Điều hành trong năm 2025.

(Chi tiết các Nghị quyết HĐQT trong năm 2025 kèm theo)

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung	% thông qua trên tổng số TV HĐQT
1.	12	14/01/2025	Thành lập công ty con tại Trung Quốc.	80%
2.	15, 16, 17, 18	06/02/2025	- Thay đổi đăng ký doanh nghiệp. - Miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc. - Giao nhiệm vụ chuyên trách cho Chủ tịch Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm Người đại diện vốn, Giám đốc Công ty con tại Lào. - Cơ cấu lại mảng kinh doanh viễn thông.	80%
3.	31, 32, 33	20/02/2025	(31) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. (32) Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội và người có liên quan năm 2025. (32) Hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Công nghệ Transmativ Việt Nam năm 2025. (33) Quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2023.	80%
4.	41	24/03/2025	Hợp thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
5.	46	26/03/2025	Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án.	75%
6.	61	14/04/2025	Thông qua báo cáo hoạt động của Công ty, hoạt động quản trị quý 1/2025 và công tác cán bộ tại Phòng Nhân sự, Chủ tịch Công ty Logistics Viettel và Công ty Dịch vụ & Thương mại Viettelpost.	80%
7.	76	12/05/2025	Tạm thời điều chỉnh phân cấp thẩm quyền vay vốn.	80%
8.	86	22/05/2025	Kiểm toán, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nhân sự khối cơ quan của TCT và các công ty con trực thuộc.	80%

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung	% thông qua trên tổng số TV HĐQT
9.	105, 106	24/06/2025	Triển khai cụ thể hóa kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	80%
10.	110	30/06/2025	Thông qua Quy chế quản lý tài chính của TCT.	100%
11.	120	12/07/2025	Thông qua công tác cán bộ.	100%
12.	130	29/07/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2025.	100%
13.	143	06/08/2025	Chi thưởng năm 2024 đối với HĐQT, BKS, Ban Điều hành.	100%
14.	145	06/08/2025	Tăng vốn bằng tài sản cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettelpost.	100%
15.	151, 152, 153, 154	08/08/2025	Thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh 6 tháng; Kiểm toán nội bộ; Công tác quản trị; Phân công nhiệm vụ trong HĐQT.	100%
16.	163	18/08/2025	Chấm dứt hoạt động của 29 Chi nhánh/- Termination of operations of 29 branches	100%
17.	181, 182	11/09/2025	Chia cổ tức 2024 và quyết toán quỹ lương năm 2024.	100%
18.	196	30/09/2025	Đính chính phương án tăng vốn cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettelpost.	100%
19.	211	20/10/2025	Thành lập Trung tâm Dịch vụ Chuyển phát - Chi nhánh VTPost.	100%
20.	220	30/12/2025	Hợp HĐQT quý 4 thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026, Quy chế và Chính sách Quản trị rủi ro.	100%

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: HĐQT thành lập Văn phòng HĐQT năm 2019, đến nay Văn phòng HĐQT đã được kiện toàn với các thành viên chuyên trách như sau:

- + Bà Chu Kim Thoa: Chánh Văn phòng HĐQT.
- + Ông Nguyễn Mạnh Cường: Phụ trách Kiểm toán nội bộ.
- + Ông Dương Thanh Hoàng; Chuyên viên chính Kiểm toán nội bộ.
- + Ông Lê Công Phú: Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty và là người được ủy quyền công bố thông tin của Viettel Post.

Trong năm 2025, Văn phòng HĐQT đã thực hiện tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành trong công tác Quản trị doanh nghiệp, Kiểm toán nội bộ, thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

Công tác đào tạo về quản trị công ty luôn được VTPost quan tâm thực hiện. Ban lãnh đạo và các nhân sự có liên quan đã được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học quản trị công ty. Trong kỳ, VTPost có tham dự các hội thảo, khóa đào tạo liên quan đến quản trị doanh nghiệp như:

- + Tham dự Lễ ra mắt và giới thiệu Cẩm nang Quản trị Công ty năm 2024 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức.
- + Cử Chánh Văn phòng HĐQT tham dự Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần thứ 34 (DCP34) do Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam tổ chức.
- + Cử Thư ký HĐQT tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về Thư ký quản trị công ty (CSMP8) do Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam tổ chức.
- + Hội nghị phổ biến nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, BKS đã tổ chức 20 cuộc họp, các vấn đề được thảo luận và biểu quyết thông qua tại các cuộc họp tuân thủ đúng các quy định về Quy chế hoạt động của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên 2021 thông qua. Một số nội dung quan trọng đã được BKS thông qua bao gồm:

- Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025; 2026 của BKS;
- Hợp thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- Hợp thông qua các kết quả giám sát định kỳ của BKS;
- Hợp thông qua các kết luận kiểm tra, giám sát chuyên đề của Ban Kiểm soát.

Một số nội dung giám sát đã được BKS kiểm tra trong năm 2025:

- Giám sát công tác quản trị điều hành của HĐQT;
- + Trong kỳ HĐQT đã họp 05 phiên và 15 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 30 Nghị quyết đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT.
- + Giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2025: có 3/3 nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã được hoàn thành: (i) Thông qua thù lao HĐQT và BKS năm 2024, dự kiến thù lao năm 2025. (ii) Trích các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024; (iii) Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025.
- + Giám sát công tác quản trị công ty, công bố thông tin đảm bảo theo quy định.

Giám sát hoạt động Tổng Giám đốc và Ban điều hành theo các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ, quy định về phân cấp thẩm quyền và việc thực hiện các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua. Ban điều hành đã đảm bảo sự trung thực và cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Giám sát công tác tài chính, kế toán, lập và trình bày BCTC của TCT. TCT đã đảm bảo các nguyên tắc nhất quán, phù hợp trong công tác kế toán và trình bày BCTC theo các quy định hiện hành.

Giám sát các hoạt động về quản lý rủi ro, thiết kế, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ tại TCT, đảm bảo sự an toàn về tài sản, tài chính, nguồn vốn và đạt được các mục tiêu SXKD của TCT đã đề ra.

Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025:

- + Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của TCT được lập theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.
- + TCT đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tin được công bố ngày 31/03/2026 trên Website <https://viettelpost.com.vn>.

- + BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 của TCT được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Deloitte. Đây là 1 trong 7 đơn vị kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên họp ngày 23/04/2025. BCTC riêng và hợp nhất được kiểm toán viên chấp nhận toàn bộ.
- + Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 đảm bảo phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, TGD và các cổ đông

- + BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và TGD trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể: BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp thường kỳ của Ban điều hành để đảm bảo ĐHĐCĐ thường niên thông qua; nắm bắt kịp thời, đầy đủ các thông tin; Văn phòng HĐQT và các cơ quan chuyên môn đã thực hiện cung cấp thông tin đúng quy định khi có yêu cầu của BKS; các kiến nghị của BKS đã được HĐQT và Ban TGD tiếp thu giao nhiệm vụ cho các Phòng/Ban, đơn vị liên quan thực hiện giải trình, khắc phục nghiêm túc, đầy đủ.
- + Giám sát các nội dung theo yêu cầu của cổ đông: Từ sau Đại hội thường niên năm 2025 đến nay, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của cổ đông liên quan đến các vấn đề của HĐQT, BDH và các vấn đề khác.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giám sát Giám sát việc tổ chức triển khai các dự án lớn, trọng điểm của TCT (Dự án Công viên Logistics Lạng sơn, Dự án Kho Long Bình- Tiến Nga, Dự án Trung tâm Logistics Đà Nẵng), cũng như việc tổ chức các hoạt động SXKD tại các Công ty thành viên (Công ty logistics Viettel, Công ty VTP Myanmar) và một số Chi nhánh lớn (Hà Nội, Phú Thọ, Quảng Ninh).

Giám sát chuyên đề theo kế hoạch năm đã đề ra, như (i) Đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của TCT, (ii) đánh giá hoạt động OS thuê nhân công của TCT, (iii) đánh giá hoạt động đầu tư mua sắm của TCT, (iv) đánh giá việc thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ OS vận hành viễn thông cho Tổng Công ty Viễn thông Viettel của Công ty Thương mại và Dịch vụ Viettelpost (Công ty con của Viettel Post); (v) Báo cáo thẩm định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

Đã xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập – làm căn cứ để đánh giá, giám sát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập theo thông lệ tốt, nâng cao năng lực quản trị của TCT trong việc lựa chọn, bổ nhiệm đơn vị kiểm toán hàng năm.

Kế hoạch hành động trong năm 2026:

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Viettel Post và Quy chế hoạt động của BKS. Tập trung nâng cao hơn nữa hiệu quả giám sát đối với việc thực hiện các mục tiêu chính, các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi có đề nghị, yêu cầu của cổ đông, HĐQT Tổng Công ty và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- Tập trung giám sát các hoạt động trọng tâm như:
 - + Giám sát hoạt động của HĐQT: việc tổ chức họp, chuẩn bị nội dung cuộc họp, biểu quyết của các TV HĐQT, ban hành Nghị quyết HĐQT; ban hành các quy định/quy chế theo thẩm quyền của HĐQT; việc thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua; việc thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT theo các quy định của Điều lệ, pháp luật liên quan.
 - + Giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.
 - + Giám sát công tác hạch toán, kế toán; thẩm định báo cáo tài chính.
 - + Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.
 - + Giám sát việc thực hiện các giao dịch giữa TCT với các bên liên quan: thẩm quyền phê duyệt, nguyên tắc xác định đơn giá hợp đồng, giao dịch, rà soát các điều khoản chính của hợp đồng, giao dịch.
- Thực hiện giám sát trực tiếp 3-4 chi nhánh, 1-2 thị trường và Trung tâm Dịch vụ Chuyển phát, Công ty Thương mại và Dịch vụ Viettelpost, Công ty Dịch vụ Kho vận Viettel, Công viên Logistics Lạng Sơn.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng 2024	Các khoản ngoài lương	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
1.	Ông Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách (từ tháng 2-12)	10.000.000	5.169.718.470	146.731.667	93.159.814	
2.	Ông Phùng Văn Cường	Thành viên HĐQT	56.000.000	-	-		Ngoài thù lao HĐQT, thực hiện trả lương, thu nhập theo chức danh Tổng Giám đốc và được công bố tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025
3.	Bà Trần Thị Tố Mỹ	Thành viên HĐQT	56.000.000	-	-	-	
4.	Ông Đinh Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	84.000.000	-	151.535.866		Ngoài thù lao HĐQT, thực hiện trả lương, thu nhập theo chức danh Phó Tổng Giám đốc và được công bố tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025
5.	Ông Phùng Việt Thắng	Thành viên HĐQT độc lập	264.000.000	-	28.789.332	-	
6.	Nguyễn Thanh Nam	Nguyên Thành viên HĐQT	-	-	207.095.340	-	
7.	Ông Hoàng Trung Thành	Nguyên Thành viên HĐQT	28.000.000	-	245.867.014	-	
8.	Ông Đinh Như Tuynh	Nguyên thành viên HĐQT	-	-	21.591.998	-	
9.	Ông Nguyễn Đắc Luân – Thành viên HĐQT chuyên trách	Nguyên thành viên HĐQT	-	-	21.591.998	-	
BAN KIỂM SOÁT							
10.	Bà Lê Thị Thanh Thoảng	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 13/01/2026)	-	366.683.258	23.599.258	21.648.230	
11.	Ông Lê Quang Tiệp	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 23/04/2025 - 13/01/2026)	-	635.886.317	-	35.497.302	
12.	Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	324.801.259	20.803.241	20.071.626	
13.	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Nguyên Thành viên Ban Kiểm soát	-	322.212.509	56.176.935	21.015.635	

Đối với thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc khác đã được trình bày trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN,
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN



Chi tiết đã được công báo theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025, tại mục Báo cáo quản trị công ty trên website: <https://viettelpost.com.vn/bao-cai-quan-tri-cong-ty/> hoặc scan để truy cập

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư tại Viettel Post luôn được HĐQT và Ban Điều hành quan tâm đặc biệt. Trong kỳ, công tác đã được thực hiện tốt hơn, thường xuyên hơn qua đó cung cấp các thông tin và hỗ trợ tốt hơn đến cổ đông, nhà đầu tư với các hoạt động chính như:

Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư tại VTPost luôn được HĐQT và Ban Điều hành quan tâm đặc biệt. Trong kỳ, công tác đã được thực hiện tốt hơn, thường xuyên hơn qua đó cung cấp các thông tin và hỗ trợ tốt hơn đến cổ đông, nhà đầu tư với các hoạt động chính như:

- Tổ chức thành công Analyst meeting vào tháng 4/2025 với hơn 80 cá nhân, tổ chức tham dự; tổ chức cho các quỹ, công ty chứng khoán tham dự lễ khai trương TTKT3 mở rộng, thăm và tìm hiểu về trung tâm Logistics Park Công viên Logistics Viettel Lạng Sơn; thực hiện các cuộc gặp gỡ trực tiếp và online khác trao đổi về cơ hội các lĩnh vực Viettel-Post VTPost đang kinh doanh.
- Hỗ trợ cấp Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần đối với cổ đông chưa lưu ký, hướng dẫn cổ đông việc lưu ký chứng khoán, hỗ trợ thay đổi thông tin đăng ký sở hữu.

Thông tin liên lạc của Bộ phận quan hệ cổ đông:

Văn phòng HĐQT: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, số 2, ngõ 15 phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
Email: hoidongquantri@viettelpost.com.vn hoặc phulc2@viettel.com.vn
Tel: 0962.683.130 (ông Lê Công Phú – Thư ký Hội đồng quản trị)
Website: <https://viettelpost.com.vn/quan-he-co-dong/>

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2025: 121.783.042 cổ phần.

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần.

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	12.096	116.196.221	95,41%
1	Cá nhân	12.063	35.105.284	28,83%
2	Tổ chức	33	81.090.937	66,58%
II	Cổ đông nước ngoài	403	5.586.821	4,59%
1	Cá nhân	353	753.369	0,62%
2	Tổ chức	50	4.833.452	3,97%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
Tổng		12.499	121.783.042	100,00%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong kỳ, Viettel Post không có thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu, không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu.

Chương 5

BÁO CÁO BỀN VỮNG

- ♦ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ♦ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Viettel Post
- ♦ Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

VỀ MÔI TRƯỜNG

Viettel Post là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics với định hướng đẩy mạnh tự động hóa và ứng dụng công nghệ cao trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Viettel Post tập trung phát triển các giải pháp công nghệ nhằm tối ưu vận hành, giảm tiêu hao năng lượng và hạn chế phát thải.

Trong năm 2025, Viettel Post tiếp tục đầu tư nghiên cứu, làm chủ công nghệ và triển khai thực tế các hệ thống tự động hóa, robot và nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, giảm phụ thuộc lao động thủ công và hướng tới phát triển bền vững. Cụ thể:

Robot ứng dụng trong logistics

- Nghiên cứu làm chủ robot trong các khâu của chuỗi cung ứng như robot chia chọn, robot cánh tay tại các Trung tâm khai thác, shuttle robot lấy hàng từ giá kệ cao, picking robot vận chuyển hàng nặng, ... trong các kho hàng. Kết hợp với hệ thống công nghệ thông tin và công nghệ AI, hệ sinh thái Robot có thể hoàn toàn tự động phân loại, chia chọn đạt sản lượng trung bình 2 triệu bưu phẩm/tháng, giúp tiết kiệm chi phí, nhân lực so với phương pháp truyền thống.

Công nghệ xe tự hành và robot giao hàng

- Nghiên cứu và làm chủ trên 60% công nghệ xe giao hàng tự hành (Delivery Car).
- Triển khai thử nghiệm thành công 01 hệ thống robot giao hàng tự động tại khu đô thị Vinhomes Thăng Long.
- Từng bước hoàn thiện hệ sinh thái robot giao nhận phục vụ các khâu last-mile logistics, góp phần giảm phát thải và tối ưu chi phí vận hành.



Công nghệ Drone giao hàng

- Phối hợp nghiên cứu công nghệ và đánh giá tiềm năng kinh tế với các đơn vị trong Tập đoàn Viettel như VHT, VTNet, VAI, VMC.
- Triển khai trên 900 chuyến bay với tổng quãng đường vận chuyển hơn 2.200 km.
- Ứng dụng hiệu quả trong vận chuyển nông sản và hỗ trợ cứu trợ khẩn cấp trong các tình huống thiên tai, bão lũ.
- Đây sẽ là tiền đề cho việc phát triển phương thức vận tải mới, giảm phụ thuộc vào phương tiện truyền thống.

Hệ thống SmartBox – Tủ giao nhận thông minh

- Làm chủ toàn bộ công nghệ bao gồm mạch điều khiển, thiết kế cơ khí và phần mềm vận hành.
- Triển khai thành công hơn 800 điểm trên toàn quốc.
- Giúp giảm số lần di chuyển giao nhận, tối ưu hành trình của bưu tá, từ đó giảm tiêu hao nhiên liệu và phát thải.

Một số hoạt động khác.

Viettel Post xây dựng các hệ thống số hóa, giám sát thông minh và quản lý kinh doanh qua đó:

- Cho phép giám sát trạng thái thiết bị, hàng hóa theo thời gian thực, tối ưu vận hành và giảm lãng phí tài nguyên.
- Giúp tối ưu tuyến đường, giảm quãng đường di chuyển và tiết kiệm nhiên liệu.
- Tiếp tục sử dụng các vật liệu tái chế trong chuỗi vận hành như tải RFID, túi Tote, trong năm 2025, 100% số bưu cục đã được trang bị nhóm công cụ dụng cụ này.
- Tiếp tục thực hiện cam kết điện hoá trong khâu thu, phát, khi liên tục hợp tác tìm kiếm các giải pháp với các đối tác như XanhSM, BE, Grab có xu hướng chuyển sang xe điện rất lớn... hiện tại đã triển khai hợp tác trong dự án giao ngay nội tỉnh.

VỀ XÃ HỘI

1. PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

1.1. Chính sách nhân sự

- Năm 2025, Viettel Post tiếp tục xác định phát triển nguồn nhân lực là nền tảng cho tăng trưởng bền vững, tập trung xây dựng đội ngũ có năng lực toàn diện, thích ứng nhanh với yêu cầu chuyển dịch sang mô hình logistics ứng dụng công nghệ. Công tác đào tạo được triển khai đồng bộ, hướng tới chuẩn hóa năng lực, nâng cao chất lượng cán bộ quản lý và tăng cường năng lực thực thi của lực lượng tuyến đầu. Nội dung đào tạo tập trung vào chuyển đổi số, ứng dụng AI, phân tích dữ liệu, logistics và phát triển kinh doanh theo 5 trụ chiến lược. Bên cạnh đó, Viettel Post tiếp tục chú trọng thu hút và phát triển nhân sự chất lượng cao trong các lĩnh vực quản lý và công nghệ, góp phần nâng cao năng suất lao động, tối ưu chi phí và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Tính đến hết năm 2025, Viettel Post và các công ty thành viên có 15.556 hợp đồng lao động và gần 37.000 nhân sự của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ cho Viettel Post và đối tác là hộ kinh doanh thu cước, sim thẻ viễn thông, đã tạo ra mạng lưới đông đảo, sẵn sàng phục vụ khách hàng đến tận vùng sâu vùng xa của đất nước. Viettel Post đã và đang tạo ra những giá trị to lớn, không chỉ đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp mà là giá trị về mặt xã hội cho chính cộng đồng, hướng tới sự phát triển bền vững.
- Trong năm 2025, chúng tôi tập trung nguồn lực để nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời cũng luôn đảm bảo lương, thu nhập và các chế độ phúc lợi cho CBNV.
- Nguồn lực tham gia vào hoạt động SXKD trong năm được lên kế hoạch từ quý 4 của năm trước và phân bổ theo tháng nhằm chủ động trong công tác tuyển dụng, đảm bảo số lượng – chất lượng nhân sự theo tiêu chuẩn nhân sự đã đặt ra. Thông tin tuyển dụng được đăng tải trên website viettelpost.com.vn, kênh tuyển dụng của Tập đoàn Viettel và các trang tuyển dụng lớn. Chúng tôi ứng xử trong công tác tuyển dụng theo nguyên tắc: công khai – minh bạch - bình đẳng, Viettel Post hướng đến những quyền lợi cao hơn Luật Lao động quy định: cam kết mức thu nhập cao hơn thị trường, nằm trong top đầu của ngành chuyển phát.

1.2. Đối ngộ tài chính:

- Đối với CBNV: sẽ nhận được khoản bổ sung quý/năm; các khoản quà ngày lễ tết của đất nước và ngày kỷ niệm của Viettel Post, Tập đoàn Viettel; nghỉ mát; hỗ trợ cá nhân có hoàn cảnh khó khăn (Cá nhân/cha/mẹ mắc bệnh hiểm nghèo, hiếm muộn...), chúc mừng/thăm hỏi đám hỷ, ốm đau..., cá nhân được hỗ trợ mua bảo hiểm kết hợp con người.
- Đối với gia đình CBNV: tri ân gia đình CBNV vào dịp lễ tết (bằng tiền và hiện vật), thăm hỏi người thân khi ốm đau/mắc bệnh hiểm nghèo...

1.3.Đối ngộ phi tài chính:

- Hướng đến người lao động hạnh phúc, Viettel Post có chính sách hỗ trợ kinh phí và 3 ngày nghỉ hưởng nguyên lương để tạo điều kiện cho CBNV có kinh phí, thời gian để nghỉ dưỡng, nghỉ mát cùng với gia đình hoặc với đồng nghiệp, qua đó giúp tái tạo sức lao động, tạo sự gắn kết và tăng chỉ số hạnh phúc của CBNV.
- Tôn trọng và ghi nhận ý kiến, ý tưởng sáng tạo. Mọi ý kiến, ý tưởng của CBNV đều đường ghi nhận, tổ chức chấm điểm, đánh giá tính khả thi của ý tưởng và thực hiện các hình thức khen thưởng, động viên cho CBNV có những sáng kiến, ý tưởng mới.
- Xây dựng lộ trình thăng tiến cho CBNV, giúp hiểu rõ cơ hội phát triển và mục tiêu nghề nghiệp của họ. Điều này thúc đẩy nhân viên tập trung làm việc để đạt được những mục tiêu đã đề ra.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	Nguồn lực	Năm 2025	
		Số lượng	Tỷ lệ %
I	Nguồn lực lõi (bình quân năm)		
1	Theo giới tính Nam Nữ	15.556 10.052 5.504	64,6% 35,4%
2	Theo loại Hợp đồng Không xác định thời hạn Xác định thời hạn 1-3 năm Hợp đồng thời vụ, ngắn hạn	15.556 9916 5640 -	63,7% 36,3% 0,0%
3	Theo khối Khối hỗ trợ Khối trực tiếp	15.556 1.542 14.014	9,9% 90,1%
4	Theo trình độ Trên đại học Đại học Cao đẳng, trung cấp Công nhân kỹ thuật Trung học phổ thông	15.556 233 7.192 4.202 2.494 1.435	1,5% 46,2% 27,0% 16,0% 9,2%
5	Theo độ tuổi Dưới 30 tuổi 30-50 tuổi Trên 50 tuổi	15.556 1.556 10.656 3.344	10,0% 68,5% 21,5%
II	Nguồn lực qua đối tác tính đến 31/12	21.368	



1.4. Chế độ theo quy định của pháp luật cho người lao động:

Trong năm 2025, TCT đảm bảo duy trì các hoạt động giải quyết chế độ chính sách thường xuyên đúng thời gian quy định:

- Thực hiện nộp đầy đủ và đúng hạn gần 370 tỷ đồng cho ~16.000 lao động có tham gia Bảo hiểm xã hội đến Bảo hiểm xã hội quận Ba đình và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng.
- Xử lý thành công 2.848 hồ sơ chế độ chính sách (ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, dưỡng sức sau sinh...). Tổng số tiền đã thanh toán cho người lao động ~ 40 tỷ đồng. Thời gian bình quân từ khi tiếp nhận đến khi xử lý thành công hồ sơ ~ 22 ngày.
- Giải quyết thành công 2.276 hồ sơ nghỉ việc. Thời gian bình quân hoàn thành các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội và quyết định thôi việc cho người lao động ~35 ngày.
- Thực hiện thanh toán các khoản trợ cấp thôi việc thành công cho ~556 lao động, với tổng số tiền đã thanh toán ~3,31 tỷ đồng.
- Thực hiện phiên mới hệ số bảo hiểm, rà soát và điều chỉnh chức danh, mức đóng bảo hiểm xã hội cho ~15.000 lao động ký hợp đồng lao động, đề xuất nâng lương bảo hiểm cho gần 250 QNCN, CN&VCQP.
- Báo tăng thành công 1.600 lao động ký mới hợp đồng tham gia bảo hiểm xã hội. Cấp mới thành công 1.600 thẻ Bảo hiểm y tế; điều chỉnh, cấp đổi thẻ BHYT cho 1.003 lao động có thay đổi thông tin, cấp mất.
- Đa dạng hóa các gói phúc lợi thông qua triển khai một số chương trình mua bảo hiểm cho người lao động:
- + Đã triển khai thực hiện mua bảo hiểm tai nạn nhằm chăm lo, bổ sung quyền lợi cho đội ngũ cán bộ, nhân viên có chức danh Bưu tá và cộng tác viên vận hành; qua đó góp phần đảm bảo quyền lợi, tăng cường chế độ an sinh và tạo sự yên tâm công tác cho lực lượng lao động trực tiếp tuyến đầu.
- + Thực hiện mua bảo hiểm toàn cầu cho 34 cán bộ, nhân viên công tác, làm việc tại thị trường nước ngoài; đồng thời triển khai mua 43 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ quản lý và nhân sự chủ chốt (key), nhằm tăng cường chăm lo, bảo vệ quyền lợi và giảm thiểu rủi ro cho lực lượng nòng cốt của đơn vị.
- Thực hiện số hóa tối ưu quy trình làm toàn trình việc đăng ký tham gia BHXH, giải quyết chế độ BHXH trên ứng dụng của người lao động và chi tự động hoàn toàn các khoản chi phí, chế độ BHXH.



1.5. Hoạt động đào tạo:

- Năm 2025, Viettel Post triển khai 145 chương trình đào tạo cấp Tổng Công ty và 701 lớp đào tạo nội bộ cấp cho nhánh, bảo đảm 100% CBNV được tiếp cận và tham gia đào tạo. Thời lượng đào tạo bình quân đạt 83,3 giờ/người/năm, tỷ lệ hoàn thành 97,5%, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả vận hành.
- Công tác đào tạo được tổ chức theo nhóm đối tượng, gắn với yêu cầu vận hành và kinh doanh. Đối với đội ngũ quản lý, TCT tập trung phát triển nguồn kế cận (114 học viên Trưởng Bưu cục, 31 học viên nguồn Ban Giám đốc Chi nhánh) và chuẩn hóa năng lực điều hành. Đối với lực lượng tuyến đầu, triển khai các chương trình đào tạo gắn với thực tiễn nhằm chuẩn hóa năng lực đội ngũ, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.
- Đào tạo theo chuyển dịch chiến lược được đẩy mạnh, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như AI, chuyển đổi số (100% CBNV tham gia), Power BI, Logistics chuyên sâu, năng lực kinh doanh, bán hàng số và ngoại ngữ. Đồng thời, hoạt động đào tạo định hướng bám sát 5 trụ cột chiến lược gồm: chuyển phát, kho vận, vận tải, dịch vụ thương mại và đầu tư quốc tế, qua đó góp phần nâng cao năng lực chuyên môn theo từng lĩnh vực. Đây là nền tảng quan trọng giúp Viettel Post tăng cường năng lực cạnh tranh và nâng cao khả năng thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số toàn ngành.
- Môi trường học tập được củng cố thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và mở rộng hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo hướng bền vững.

Trên cơ sở các hoạt động triển khai, Viettel Post định hướng xây dựng đội ngũ CBNV có năng lực, gắn bó và có khả năng thích ứng cao, làm nền tảng cho tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững trong dài hạn.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG VIETTEL POST



2.2. Đoàn thanh viên Viettel Post:

- Đoàn viên thanh niên tại phòng ban, đơn vị tham gia tích cực các hoạt động chào mừng Tháng thanh niên 2025 với nhiều chương trình trọng tâm, gắn liền với hoạt động SXKD của đơn vị như: tham gia Phát triển khách hàng mới, tham gia xây dựng Quỹ “Nhân ái” do Công đoàn cơ sở phát động trong quý thông qua hoạt động bán hàng các SPDV của Viettel (Điểm CNTT, phát triển mới thuê bao FTTH, phát triển doanh thu Bưu chính với tập khách hàng mới...), “Ngày sáng tạo – Innovation Day”, chủ động phối hợp với các cấp bộ Đoàn địa phương trong tổ chức các hoạt động tri ân kỷ niệm của đất nước.
- Các cơ sở Đoàn trực thuộc chủ động phối hợp với các tổ chức quần chúng, các đơn vị Viettel trên địa bàn tổ chức các hoạt động giao lưu thể thao chào mừng 94 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, 36 năm Ngày thành lập Tập đoàn, 28 năm Ngày thành lập Tổng Công ty. Các hoạt động được tổ chức hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống tinh thần CBNV đồng thời gắn kết các đơn vị Viettel trên địa bàn.
- Phát động chương trình ra quân hỗ trợ, giải cứu hàng tồn tại Bưu cục dịp cận Tết nguyên đán 2025 từ thanh niên Khối cơ quan Tổng Công ty đến khối hỗ trợ của các chi nhánh. Thanh niên khối cơ quan trải nghiệm “10 ngày làm bưu tá”, đồng hành cùng bưu cục, bưu tá tham gia phát hàng.
- Tham mưu các nội dung, biện pháp xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ đoàn, giới thiệu nguồn quy hoạch, góp phần tăng tỷ lệ cán bộ, đoàn viên tham gia vào các vị trí chủ chốt của đơn vị: trong năm 2025 đã giới thiệu 245 ĐVTN xuất sắc, có phẩm chất đạo đức tốt tham gia lớp học Cảm tình Đảng, 91 Đoàn viên ưu tú được Cấp ủy, BGĐ kết nạp Đảng dịp 03/2, 19/5, 02/9, 22/12.

- Đối với các chương trình gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, các cơ sở Đoàn trực thuộc đã chủ động phối hợp thực hiện chương trình “Chuyển dịch trọng tâm, phát triển dịch vụ chuyển phát thư và tài liệu”, phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tổ chức các buổi hội thảo về chuẩn đầu ra cho ngành học Logistics tại trường. Đồng thời ký hợp đồng chuyển phát công văn, tài liệu với Phòng Hành chính các trường. Bên cạnh đó, phối hợp, liên hệ với Ban Chỉ huy Quân sự, các cấp bộ Đoàn địa phương tổ chức thu hút, tìm kiếm nhân sự bưu tá mới thông qua các buổi hướng nghiệp, khởi nghiệp cho bộ đội xuất ngũ.
- Trong năm 2025, 01 Đoàn cơ sở đã nhận cờ thi đua của Tổng cục Chính trị, 04 Đoàn cơ sở đã nhận bằng khen đơn vị xuất sắc trong công tác đoàn năm 2025 cấp Tập đoàn. 45 cá nhân đạt danh hiệu cán bộ đoàn, đoàn viên xuất sắc tiêu biểu cấp Tập đoàn, 270 cá nhân đạt danh hiệu cán bộ đoàn, đoàn viên xuất sắc tiêu biểu do Viettel Post trao tặng.

2.3. Phụ nữ Viettel Post:

- Triển khai các tổ, hội phụ nữ các cấp thực hiện hoạt động chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3 tạo không khí vui tươi, phấn khởi, gắn kết cho chị em từ đó tiếp thêm động lực, niềm tin yêu bản thân, yêu tổ chức, hăng say trong công việc, giúp CBNV nữ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các hoạt động đều mang ý nghĩa thiết thực được 100% các chị em nhiệt tình tham gia, tổng kinh phí cho các hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG VIETTEL POST



- Cán bộ Hội các cấp đã tích cực tham mưu, đề xuất với lãnh đạo, chỉ huy xây dựng các chế độ, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và gia đình CBNV. Nhiều quy chế quy định đã tạo điều kiện tốt hơn cho lao động nữ hoàn thành nhiệm vụ, nâng cao đời sống vật chất tinh thần; nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm của phụ nữ, lãnh đạo, chỉ huy các cấp đã tạo điều kiện về kinh phí, thời gian cho phụ nữ được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức. Năm 2025, Viettel Post đã đề xuất Tập đoàn hỗ trợ hơn 660 triệu đồng cho 19 CBNV vô sinh hiếm muộn, đề xuất hỗ trợ 18 CBCNV nữ và 11 con CBNV mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh chữa trị dài ngày với tổng số tiền 227 triệu đồng. Đây là các chính sách nhân văn, thể hiện sự quan tâm sâu sắc, tạo điều kiện của lãnh đạo chỉ huy đối với nguyện vọng của CBNV, giúp CBNV yên tâm công tác, góp phần vào sự phát triển bền vững của Viettel Post.
- Bên cạnh việc làm tốt công tác chăm lo cho cán bộ hội viên, công tác giáo dục trẻ em luôn được Viettel Post quan tâm, chú trọng. Phụ nữ Viettel Post và các cấp Hội đã tổ chức các hoạt động cho con CBCNV nhân dịp Tháng hành động vì trẻ em, tổ chức Tết trung thu cho 28.824 cháu, tặng quà cho 9.748 cháu đạt thành tích cao trong học tập năm học 2024 – 2025, tổng số tiền trên 11 tỷ đồng, với nhiều hình thức đa dạng, đảm bảo an toàn về mọi mặt; đồng thời tạo tâm thế để các cháu phát huy thành tích trong học tập, rèn luyện để trở thành con ngoan, trò giỏi, bố mẹ yên tâm công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Một số cấp Hội đã chủ trì, triển khai hoạt động giúp đỡ, động viên con em của các CBNV có hoàn cảnh khó khăn trong đơn vị.
- Phát huy tinh thần nhân ái, thực hiện triết lý “Kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội”, với chủ đề “Lan tỏa tri thức - Kết nối yêu thương” Hội phụ nữ cơ sở tại các Chi nhánh: Lai Châu, Sơn La, Quảng Ngãi, Gia Lai, An Giang chủ trì tổ chức thực hiện gây dựng quỹ như kêu gọi, ủng hộ từ CBNV trong đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn và tổ chức bán đồ cũ không dùng đến; quyên góp đồ dùng học tập, quần áo, sách, truyện... trao tặng trực tiếp đến các em tại 05 điểm trường khó khăn số tiền trên 40 triệu đồng.

- Các cấp Hội và nhiều hội viên tích cực đóng góp và hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, bão lũ, các hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng; đỡ đầu 05 điểm trường đặc biệt khó khăn; nhận phụng dưỡng 01 Mẹ Việt Nam Anh hùng. Qua các hoạt động xã hội đã khơi dậy và phát huy được tinh thần tương thân, tương ái, vì cộng đồng, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, thắt chặt tình đoàn kết quân dân, tạo thuận lợi trong quá trình sản xuất kinh doanh tại địa phương.
- Năm 2025, 01 Hội Phụ nữ cơ sở nhận Cờ thi đua cấp Tập đoàn vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phụ nữ và phong trào phụ nữ năm 2025, 04 Hội Phụ nữ cơ sở nhận Danh hiệu “Hội Phụ nữ Vững mạnh” cấp Tập đoàn; 22 Chi hội, tổ phụ nữ nhận Danh hiệu “Tập thể Phụ nữ Vững mạnh” của Viettel Post. 92 cá nhân đạt danh hiệu cán bộ, hội viên phụ nữ xuất sắc cấp Tập đoàn, 407 cá nhân đạt danh hiệu cán bộ, hội viên tiên tiến do Viettel Post trao tặng.

3. Trách nhiệm xã hội, cộng đồng

Bên cạnh thực hiện các hoạt động chính sách nội bộ, Viettel Post còn thực hiện tốt các hoạt động xã hội, cộng đồng.

- Nhân dịp Trung thu và Tết Nguyên đán, bà Vũ Thị Quỳnh Trang - Phó Phòng Chính trị, Chủ tịch Công đoàn cơ sở Viettel Post đã đại diện tham dự trao, tặng quà cho các gia đình chính sách và 56 em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn nơi đặt trụ sở chính của Viettel Post (Phường Cầu Giấy), kịp thời động viên các em khắc phục khó khăn, vươn lên đạt thành tích học tập tốt. Đồng thời thực hiện đúng triết lý kinh doanh “Phát triển hoạt động SXKD gắn liền với trách nhiệm xã hội, cộng đồng” qua đó thể hiện tình cảm, tri ân, trách nhiệm và nét đẹp của người ViettelPost.
- Tại các Chi nhánh trên toàn quốc, phối hợp với các đơn vị trong Tập đoàn Viettel cùng với chính quyền, đoàn thể địa phương thực hiện thăm viếng, đặt vòng hoa, dâng hương tại các Nghĩa trang, Đài tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG VIETTEL POST



- Thăm và tặng quà Mẹ Việt Nam Anh hùng do Viettel Post phụng dưỡng định kỳ hàng quý.
- Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam và công văn của Tổng Cục Chính trị (Công văn số 3203/CT-DV ngày 20/8/2025) về việc tuyên truyền, vận động ủng hộ nhân dân Cuba với tinh thần tự nguyện, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của đơn vị, bảo đảm thiết thực, ý nghĩa, thể hiện tinh thần trách nhiệm, tình cảm với Quân đội và nhân dân Cuba anh em. Viettel Post đã triển khai tuyên truyền, vận động để mỗi CBNV phát huy tinh thần tự nguyện, tự giác tham gia bằng tấm lòng, tình cảm trách nhiệm đối với Quân đội và nhân dân Cuba, tiếp tục thực hiện triết lý kinh doanh: Luôn gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh với trách nhiệm xã hội cộng đồng và sứ mệnh “Tiên phong, chủ lực kiến tạo xã hội số” của Tổng Công ty. Tổng số tiền Viettel Post tham gia ủng hộ là 907.761.011đ (Chín trăm linh bảy triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, không trăm mười một đồng).

4. Vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư của khách hàng.

Với không gian mạng ngày càng mở rộng và xuyên biên giới, cùng với đó là sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) đặt ra những thách thức trong việc kiểm soát dữ liệu người dùng. Vì nếu không bảo vệ dữ liệu cá nhân (DLCN), quyền riêng tư của khách hàng, thì sẽ là cơ hội để các bên lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Viettel Post. Viettel Post với tư cách là một công ty bưu chính, chuyển phát luôn thấm nhuần nguyên tắc đã được Hiến pháp quy định về việc “Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác” và được quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Bưu chính và các quy định về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tháng 06/2025, Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15. Vì vậy, năm 2025, Viettel Post đã chủ động xây dựng kế hoạch, các biện pháp để triển khai các phương án tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, đối tác, người lao động như sau:
- Rà soát và ban hành lại Chính sách bảo vệ DLCN đối với khách hàng, đối tác, người lao động.
 - Xây dựng mẫu văn bản chấp thuận xử lý DLCN của các chủ thể.
 - Bổ sung các giải pháp công nghệ cho phép khách hàng đồng ý/không đồng ý với từng mục đích xử lý dữ liệu tại chính sách bảo vệ DLCN trên App, Web, các kênh Digital khi khách hàng đăng ký tài khoản, thực hiện giao dịch.
 - Xin lại sự đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng, đối tác, người lao động theo Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân mới ban hành.
 - Xây dựng mẫu văn bản thỏa thuận xử lý dữ liệu cá nhân với các đối tác xử lý dữ liệu cá nhân và đối tác kiểm soát xử lý dữ liệu cá nhân.
 - Xây dựng quy trình, quy định thực hiện yêu cầu thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân.
 - Xây dựng quy trình tiếp nhận, thông báo vi phạm liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân đến Bộ Công an.
 - Thông báo về việc thay đổi chính sách bảo mật DLCN trên các kênh tương tác với khách hàng.
 - Xây dựng và ban hành Quy định quản trị, quản lý dữ liệu, Quy định quản lý và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong Tổng công ty.
 - Xây dựng và ban hành các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn của hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.
 - Kiểm tra, đánh giá và thực hiện các biện pháp cần thiết về kỹ thuật để bảo vệ DLCN trên hệ thống công nghệ thông tin.
 - Rà soát, sửa đổi bổ sung hồ sơ đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu cá nhân gửi Bộ Công an.
 - Tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Tính đa dạng và hòa nhập của Hội đồng quản trị.

Viettel Post nhận thức sâu sắc rằng tính đa dạng và hòa nhập trong Hội đồng Quản trị không chỉ là yếu tố quản trị hiện đại mà còn là động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng bền vững và năng lực cạnh tranh dài hạn. Trong bối cảnh doanh nghiệp hoạt động đa ngành, trải rộng từ chuyển phát, kho vận, vận tải đến thương mại dịch vụ và mở rộng ra thị trường quốc tế (bao gồm hiện diện trực tiếp tại Lào, Campuchia, Myanmar và Trung Quốc), việc xây dựng một HĐQT đa dạng về kinh nghiệm, góc nhìn và nền tảng chuyên môn là điều kiện tiên quyết để thích ứng linh hoạt với môi trường kinh doanh phức tạp và liên tục biến động.

Sự đa dạng và hòa nhập trong HĐQT Viettel Post không chỉ góp phần nâng cao chất lượng ra quyết định, tăng cường quản trị rủi ro mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững. Điều này được thể hiện rõ nét qua các khía cạnh sau:

* Cơ cấu của Hội đồng quản trị theo pháp lý:

- Viettel Post niêm yết cổ phiếu VTP trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, do đó trong cơ cấu HĐQT có sự tham gia của thành viên độc lập là ông Phùng Việt Thắng – đảm bảo tuân thủ quy định theo điểm a, khoản 4, điều 276, Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Chứng khoán.
- Số lượng thành viên HĐQT là 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên là không điều hành, tức là không đảm nhiệm thêm các chức danh trong Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng - đảm bảo tuân thủ quy định tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành theo khoản 2, điều 276, Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Chứng khoán.
- Bên cạnh đó, ông Nguyễn Việt Dũng - Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành, qua đó tăng cường tính độc lập trong hoạt động giám sát, đồng thời đảm bảo sự tập trung trong công tác định hướng chiến lược, tổ chức hoạt động của HĐQT và nâng cao hiệu quả quản trị công ty.

* Tính đa dạng trên các mặt:

- **Ông Nguyễn Việt Dũng – Chủ tịch HĐQT**, là cán bộ có rất nhiều kinh nghiệm về:
 - + Xây dựng, định hướng và thực thi chiến lược phát triển: ông từng đảm nhiệm vai trò là Trưởng Ban Chiến lược của Tập đoàn Viettel từ năm 2018 đến năm 2025. Đồng thời ông cũng là thành viên HĐQT của Viettel Post giai đoạn 2014 – 2017 và từ 2019 – đến nay. Với nền tảng này, ông có sự am hiểu sâu sắc về định hướng phát triển của Viettel Post, qua đó đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định và triển khai chiến lược giai đoạn 2026–2030.
 - + Lĩnh vực marketing & truyền thông: ông từng đảm nhiệm các vị trí như Trưởng Ban Marketing, Tập đoàn Viettel, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom), với nhiều kinh nghiệm trong phát triển sản phẩm, chính sách kinh doanh và mở rộng thị trường.
 - + Lĩnh vực đầu tư quốc tế: với kinh nghiệm giữ các vị trí lãnh đạo như Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc Viettel Telecom và Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, ông có năng lực trong định hướng phát triển các dịch vụ liên quan đến viễn thông, đồng thời thúc đẩy hoạt động đầu tư và mở rộng thị trường nước ngoài của Viettel Post.
- **Ông Phùng Văn Cường – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**, có kinh nghiệm sâu rộng trong các lĩnh vực viễn thông, giải pháp doanh nghiệp và đầu tư quốc tế, cụ thể:
 - + Quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh viễn thông: Ông từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo như Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel, Tổng Giám đốc Metfone (Viettel Cambodia), với kinh nghiệm thực tiễn trong tổ chức vận hành, phát triển thị trường và cung cấp dịch vụ viễn thông tại cả thị trường trong nước và quốc tế.

- + Giải pháp doanh nghiệp và phát triển khách hàng tổ chức: Trên cương vị Tổng Giám đốc Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel, ông có kinh nghiệm trong xây dựng và triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ khối khách hàng doanh nghiệp, góp phần mở rộng hệ sinh thái dịch vụ và nâng cao giá trị gia tăng.
- + Đầu tư quốc tế và mở rộng thị trường: Trong giai đoạn từ tháng 9/2022 đến tháng 2/2025, ông giữ chức Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel – đơn vị phụ trách hoạt động đầu tư viễn thông ra nước ngoài của Tập đoàn Viettel, qua đó tích lũy kinh nghiệm trong quản lý danh mục đầu tư và phát triển thị trường quốc tế.
- + Điều hành và gắn kết chiến lược tại Viettel Post: Từ tháng 02/2025, ông được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Viettel Post và từ tháng 04/2025 là thành viên HĐQT. Việc đồng thời tham gia điều hành và HĐQT giúp tăng cường tính liên kết giữa hoạch định chiến lược và tổ chức thực thi, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- **Bà Trần Thị Tố Mỹ – Thành viên Hội đồng quản trị**, có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, kế toán và đầu tư tài chính, đồng thời là đại diện nữ trong HĐQT, góp phần tăng cường yếu tố đa dạng giới trong cơ cấu quản trị của Công ty, cụ thể:

- + Tài chính – kế toán doanh nghiệp quy mô lớn: Bà đã đảm nhiệm các vị trí Phó Phòng, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính tại Tổng Công ty Viễn thông Viettel (giai đoạn 2012–2023) và Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (giai đoạn 2023–2025), qua đó tích lũy kinh nghiệm trong quản lý tài chính, kiểm soát chi phí và đảm bảo tuân thủ các quy định về kế toán – tài chính.
- + Quản lý đầu tư tài chính: Từ năm 2025 đến nay, bà giữ chức Phó Ban, Trưởng Ban Đầu tư tài chính Tập đoàn Viettel, với kinh nghiệm trong quản lý danh mục đầu tư, thẩm định hiệu quả tài chính và định hướng sử dụng vốn.
- + Đóng góp trong công tác quản trị: Với nền tảng chuyên môn và kinh nghiệm công tác tại Tập đoàn Viettel (công ty mẹ), bà góp phần tăng cường năng lực quản trị tài chính, kiểm soát rủi ro, đồng thời hỗ trợ kết nối, đồng bộ định hướng tài chính và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong hệ sinh thái Tập đoàn, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- **Ông Đinh Thanh Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**, có kinh nghiệm toàn diện trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát, với quá trình công tác gắn bó và phát triển từ các vị trí cơ sở đến cấp quản lý, cụ thể:

- + Vận hành và hoạt động kinh doanh bưu chính – chuyển phát: Ông đã trải qua nhiều vị trí từ nhân viên kinh doanh, Trưởng Bưu cục đến các vị trí quản lý, qua đó tích lũy kinh nghiệm thực tiễn sâu sắc trong tổ chức vận hành, khai thác và phát triển dịch vụ chuyển phát.
- + Chiến lược và quản lý đơn vị: Ông từng đảm nhiệm các chức danh Trưởng Phòng Chiến lược, Giám đốc Công ty thành viên của Viettel Post, có kinh nghiệm trong xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức triển khai và quản lý hoạt động tại đơn vị.
- + Gắn kết quản trị và điều hành: Hiện ông là Thành viên HHĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, qua đó góp phần tăng cường sự liên kết giữa định hướng chiến lược và tổ chức thực thi, đặc biệt trong các lĩnh vực hoạt động lõi của Công ty.

- **Ông Phùng Việt Thắng – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**, có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số, với quá trình công tác tại nhiều tập đoàn công nghệ quốc tế, cụ thể:

- + Công nghệ thông tin và phát triển thị trường công nghệ: Ông đã đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo như Giám đốc Kinh doanh Công ty Oracle Việt Nam, Giám đốc Quốc gia Tập đoàn Autodesk Inc., Giám đốc Kinh doanh Quốc gia và Thành viên Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Microsoft Việt Nam, với kinh

nghiệm trong phát triển thị trường, triển khai giải pháp công nghệ và xây dựng hệ sinh thái khách hàng doanh nghiệp.

- + Tư vấn chuyển đổi số và giải pháp doanh nghiệp: Ông từng giữ vị trí Giám đốc Tư vấn chuyển đổi số tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT, có kinh nghiệm trong tư vấn chiến lược công nghệ, chuyển đổi số và triển khai các giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp.
- + Lãnh đạo tại doanh nghiệp công nghệ toàn cầu: Hiện ông là Giám đốc Khối Kinh doanh Công ty TNHH Intel Việt Nam, qua đó tiếp tục tích lũy kinh nghiệm trong quản lý, phát triển thị trường và cập nhật các xu hướng công nghệ tiên tiến.
- + Đóng góp trong công tác quản trị: Với vai trò là thành viên độc lập, cùng nền tảng chuyên môn sâu về công nghệ và chuyển đổi số, ông góp phần mang lại góc nhìn khách quan, tăng cường năng lực giám sát, đồng thời hỗ trợ HĐQT trong việc định hướng chiến lược phát triển gắn với nền tảng công nghệ cao của Viettel Post. Với kinh nghiệm đa dạng trong nhiều lĩnh vực hoạt động của các thành viên, HĐQT Viettel Post sẽ đưa các những quyết sách phù hợp, kịp thời để chèo lái hoạt động của Viettel Post ngày càng phát triển, đem lại lợi ích cho các cổ đông, người lao động.

2. Chứng nhận ISO và quản trị quy trình.

Hiện Viettel Post duy trì chứng nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và an toàn thông tin ISO/IEC 27001:2022, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cao, đồng thời đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin.

Việc áp dụng ISO 9001 giúp chuẩn hóa, tối ưu hóa quy trình, từng bước số hóa và tự động hóa hoạt động vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu sai sót; trong khi ISO/IEC 27001 đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, tạo dựng niềm tin vững chắc với khách hàng.

Năm 2025, hệ thống quy trình của Viettel Post được rà soát, chuẩn hóa và đẩy mạnh số hóa, tích hợp trên các nền tảng công nghệ, góp phần nâng cao mức độ tự động hóa trong vận hành. Đây là nền tảng quan trọng giúp đơn vị vận hành hiệu quả, đồng thời đưa mức độ trưởng thành số của Viettel Post đạt Top 3 trong toàn Tập đoàn Viettel.

3. Chính sách công và xây dựng môi trường kinh doanh.

Với đa dạng lĩnh vực kinh doanh, trải rộng trên nhiều địa bàn, cả trong nước lẫn thị trường nước ngoài, Viettel Post xác định hoạt động pháp lý, đóng góp vào việc xây dựng chính sách công, chống độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh là một yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của tổ chức.

Năm 2025, Viettel Post đã tích cực đóng góp trong việc sửa đổi, bổ sung các chính sách công có liên quan đến hoạt động như:

- Kiến nghị đến Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ về quyền kinh doanh dịch vụ nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua mạng bưu chính (hành chính công).
- Kiến nghị đến Bộ Công thương, Bộ Khoa học và công nghệ, Ủy ban kinh tế tài chính Quốc hội, đại biểu Quốc hội quyền tự do kinh doanh dịch vụ bưu chính, chuyển phát trên sàn thương mại điện tử tại Luật Thương mại điện tử.
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật về bưu chính như đảm bảo cạnh tranh chuyển phát trên sàn TMĐT, xóa bỏ bưu chính dành riêng, mô hình Smart Locker, miễn trách nhiệm cho doanh nghiệp bưu chính khi hàng hóa không đủ giấy tờ, ...

- Kiến nghị đến Bộ Công an, VCCI về Quyền kinh doanh dịch vụ vận chuyển pháo hoa- Kiến nghị đến Bộ Tài chính, Cục Hải quan đơn giản hóa các thủ tục Hải quan như cho phép giám sát bằng camera thay niêm phong, thủ tục tạm nhập – tái xuất phương tiện...
- Đóng góp đối với dự thảo Luật Sở Hữu trí tuệ, Luật Chuyển đổi số, Luật Thương mại điện tử, Luật Đầu tư, Luật Khoa học Công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Công nghệ cao, Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Nghị định về quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu qua TMĐT, Quyết định về cung ứng dịch vụ bưu chính KT1, Điều lệ Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội,...

4. Các việc bị xử phạt liên quan đến vi phạm pháp luật về môi trường, dữ liệu

Trong năm 2025, Viettel Post không phát sinh việc bị xử phạt vi phạm pháp luật về môi trường, dữ liệu.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHÙNG VĂN CƯỜNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Đã được kiểm toán)

Chi tiết báo cáo tài chính hợp nhất và công ty mẹ đã được công bố
tại website <https://viettelpost.com.vn/bao-cai-tai-chinh/>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 51

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Số 2, ngõ 15 Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch
Ông Phùng Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Ông Hoàng Trung Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Tố Mỹ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Thanh Nam	Thành viên không điều hành (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Ông Đinh Thanh Sơn	Thành viên
Ông Phùng Việt Thắng	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Cường	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025)
Ông Hoàng Trung Thành	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2025)
Ông Cấn Long Giang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025)
Ông Đinh Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Quang Tiệp	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025, Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2026)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Lê Thị Thanh Thoảng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2026)
	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

(Đã ký)

Phùng Văn Cường

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Số: /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2023-001-1

Đinh Văn Điền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 5668-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.680.154.668.779	4.728.456.491.813
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	349.825.537.243	389.553.167.519
1.	Tiền	111		320.091.315.883	373.553.167.519
2.	Các khoản tương đương tiền	112		29.734.221.360	16.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.092.526.396.344	1.430.476.324.460
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.092.526.396.344	1.430.476.324.460
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.643.490.851.490	2.157.317.142.073
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.168.815.895.025	1.617.447.246.458
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	105.755.738.062	110.014.215.870
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	393.191.222.894	452.662.419.219
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(24.272.004.491)	(22.806.739.474)
IV.	Hàng tồn kho	140	11	152.682.505.246	279.316.566.082
1.	Hàng tồn kho	141		152.682.505.246	279.592.834.508
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(276.268.426)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		441.629.378.456	471.793.291.679
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	425.735.450.014	464.599.688.300
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.300.059.416	7.003.889.547
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.593.869.026	189.713.832
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.838.520.831.046	1.635.100.066.310
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		234.532.329.929	346.340.082.223
1.	Phải thu dài hạn khác	216	9	234.532.329.929	346.340.082.223
II.	Tài sản cố định	220		1.062.460.728.659	744.915.553.414
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	989.575.396.564	691.259.376.597
	- Nguyên giá	222		1.764.083.330.495	1.295.930.086.780
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(774.507.933.931)	(604.670.710.183)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	14	72.885.332.095	53.656.176.817
	- Nguyên giá	228		129.724.930.644	91.011.224.644
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.839.598.549)	(37.355.047.827)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		41.584.995.680	75.029.511.026
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	41.584.995.680	75.029.511.026
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	30.000.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	-	30.000.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		499.942.776.778	438.814.919.647
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	496.479.598.253	438.814.919.647
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.463.178.525	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.518.675.499.825	6.363.556.558.123

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.750.465.769.030	4.775.100.011.952
I. Nợ ngắn hạn	310		5.211.678.981.607	4.676.144.433.818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	802.451.831.218	660.902.415.331
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	30.200.108.434	3.987.739.541
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	168.896.231.766	122.515.531.270
4. Phải trả người lao động	314		945.423.434.939	581.595.506.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	531.807.977.171	329.879.721.788
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	29.810.392.098	42.941.314.075
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.341.369.574.379	1.470.158.663.520
8. Vay ngắn hạn	320	22	1.347.951.022.687	1.375.517.858.200
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	13.768.408.915	88.645.683.721
II. Nợ dài hạn	330		538.786.787.423	98.955.578.134
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	35.907.925.375	26.452.964.500
2. Vay dài hạn	338	23	502.878.862.048	72.502.613.634
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.768.209.730.795	1.588.456.546.171
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	1.768.209.730.795	1.588.456.546.171
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.217.830.420.000	1.217.830.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.217.830.420.000	1.217.830.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.173.847.940	21.173.847.940
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.281.066.143)	(4.526.456.204)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		162.610.465.039	48.406.480.518
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		367.876.063.959	305.572.253.917
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.312.091.728	16.906.198.415
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		348.563.972.231	288.666.055.502
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.518.675.499.825	6.363.556.558.123

(Đã ký)

Lê Thị Bích Thủy
Người lập biểu

(Đã ký)

Nguyễn Bình Minh
Kế toán trưởng

(Đã ký)

Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	20.574.073.291.686	20.734.671.115.593
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		20.574.073.291.686	20.734.671.115.593
3. Giá vốn hàng bán	11	29	19.437.517.990.506	19.729.225.253.128
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.136.555.301.180	1.005.445.862.465
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	99.643.527.066	89.857.645.514
6. Chi phí tài chính	22	32	78.304.275.513	58.682.606.798
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.939.554.919	57.801.498.674
7. Chi phí bán hàng	25	33	125.555.064.674	113.569.053.317
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	511.141.492.279	440.298.056.149
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		521.197.995.780	482.753.791.715
10. Thu nhập khác	31		10.553.299.902	1.427.887.836
11. Chi phí khác	32		17.184.852.333	853.043.468
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.631.552.431)	574.844.368
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		514.566.443.349	483.328.636.083
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	113.135.332.378	100.242.794.368
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(3.463.178.525)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		404.894.289.496	383.085.841.715
Trong đó:	61			
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			404.894.289.496	383.085.841.715
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.862	2.039

(Đã ký)

Lê Thị Bích Thủy
Người lập biểu

(Đã ký)

Nguyễn Bình Minh
Kế toán trưởng

(Đã ký)

Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	514.566.443.349	483.328.636.083
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	02	189.276.549.177	133.040.657.378
Các khoản dự phòng	03	1.188.996.591	4.544.931.688
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.094.255.506)	(1.407.334.907)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(97.748.382.767)	(86.618.397.603)
Chi phí lãi vay	06	73.939.554.919	57.801.498.674
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	679.128.905.763	590.689.991.313
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(373.346.035.946)	(362.006.634.230)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	126.910.329.262	118.251.823.244
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	697.938.325.858	100.266.792.399
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(18.800.440.320)	(263.097.513.150)
Tiền lãi vay đã trả	14	(74.150.627.417)	(58.820.354.167)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(104.339.319.805)	(126.886.613.905)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	748.111.625
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(171.616.301.337)	(130.239.951.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	761.724.836.058	(131.094.348.371)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(532.913.816.769)	(373.683.152.893)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.013.215.988	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.793.252.708.263)	(1.123.715.168.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.161.200.192.686	1.435.220.710.745
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	90.178.045.592	130.414.983.449
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.073.775.070.766)	68.237.373.301

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	609.184.355.601	67.495.908.202.377
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(206.374.942.700)	(67.759.386.273.391)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(131.579.252.978)	(179.949.251.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	271.230.159.923	(443.427.322.114)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(40.820.074.785)	(506.284.297.184)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	389.553.167.519	894.914.736.509
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.092.444.509	922.728.194
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	349.825.537.243	389.553.167.519

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Thị Bích Thủy
 Người lập biểu

Nguyễn Bình Minh
 Kế toán trưởng

Phùng Văn Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel trực thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội) sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 123/QĐ-BQP ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Bộ Quốc phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0104093672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 7 năm 2009 và thay đổi lần thứ 26 ngày 18 tháng 7 năm 2025. Theo Quyết định số 819/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VTP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 2, ngõ 15 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.217.830.420.000 VND, tương đương 121.783.042 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 15.556 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17.588).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Chuyển phát, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa;
- Bưu chính;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là chuyển phát, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc chấm dứt và kiện toàn hoạt động của Chi nhánh, Tổng Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của 29 chi nhánh bưu chính trên toàn quốc và giao 34 chi nhánh bưu chính còn lại tiếp nhận bàn giao, thực hiện quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tỉnh, thành trên toàn quốc.

Theo Nghị quyết số 221/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2025, Tổng Công ty thông qua việc thành lập Trung tâm Dịch vụ Chuyển phát là chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 01 chi nhánh Công viên Logistics Viettel Lạng Sơn, 01 chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Chuyển phát và các chi nhánh bưu chính tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kho Hà Nội vận Viettel (Trước đây là Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu Chính Viettel) (i)		100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	Hà Nội	100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ logistics.
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettelpost	Hà Nội	100,00	100,00	Kinh doanh thương mại.
- Công ty TNHH Mygo Campuchia	Campuchia	100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh; bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa.
- Công ty TNHH VTP Myanmar	Myanmar	100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ logistics.
- Công ty TNHH MTV Viettel Post Lào	Lào	100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ logistics.

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 10 số 0105299429 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 6 năm 2025, Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kho vận Viettel kể từ ngày này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng các đồng tiền nội tệ của các thị trường nước ngoài sang đồng tiền báo cáo của Tổng Công ty mẹ được lập bằng Đồng Việt Nam (VND) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo nguyên tắc sau:

- Tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa trên tỷ giá mua vào USD trên VND và tỷ giá bán ra USD trên đồng nội tệ tại thị trường công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch;
- Nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế chéo cuối năm được xác định dựa trên tỷ giá bán ra USD trên VND và tỷ giá mua vào USD trên đồng nội tệ tại thị trường công ty con tại ngân hàng Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua - bán bình quân;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày góp vốn được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 2% thì áp dụng tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,

- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4.3 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.6 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho thương mại bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4.10 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và quyền sử dụng đất có thời hạn, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 – 05 năm.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được tạo ra từ nội bộ Tổng Công ty phát sinh từ giai đoạn phát triển chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được tạo ra từ nội bộ Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không thể ghi nhận là tài sản cố định vô hình tạo ra từ nội bộ Tổng Công ty, chi phí nghiên cứu phát triển được hạch toán vào khoản lãi hoặc lỗ trong năm tài chính phát sinh chi phí đó.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.12 Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất và chi phí cơ sở hạ tầng; tiền thuê địa điểm, văn phòng, cửa hàng; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí cải tạo, sửa chữa và các khoản khác.

Tiền thuê đất và chi phí cơ sở hạ tầng; tiền thuê địa điểm, văn phòng, cửa hàng thể hiện số tiền thuê và chi phí đã được trả trước. Tiền thuê và chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước tiền thuê.

Các chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí cải tạo, sửa chữa và các khoản khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho các dịch vụ cho thuê kho, văn phòng chưa được cung cấp. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) được tính cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.18 Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

4.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu bên đó có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.189.975.258	4.461.768.293
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	317.442.783.383	369.078.959.942
Tiền đang chuyển	458.557.242	12.439.284
Các khoản tương đương tiền (i)	29.734.221.360	16.000.000.000
	349.825.537.243	389.553.167.519

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 phản ánh các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất hàng năm từ 3,0%/năm đến 10,85%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.092.526.396.344	2.092.526.396.344	1.430.476.324.460	1.430.476.324.460
b) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000

- (i) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 phản ánh các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 06 đến 18 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 06 đến 24 tháng) và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, với lãi suất hàng năm từ 4,2%/năm đến 11,10%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,0%/năm đến 6,6%/năm). Số dư cuối năm của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm một số khoản tiền gửi đang được phong tỏa để làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay, bảo lãnh của Tổng Công ty với tổng giá trị là 696.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.372.000.000.000 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	960.186.879.351	588.023.215.104
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	48.138.952.456	33.243.054.617
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	30.416.766.841	113.838.172.526
Công ty Movitel S.A	23.971.363.349	14.222.313.143
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	19.656.587.415	16.886.419.957
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	15.748.498.763	44.870.313.692
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Việt Nam	328.171.930	27.208.029.723
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.070.368.674.920	779.155.727.696
	2.168.815.895.025	1.617.447.246.458

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	1.112.449.794.531	756.645.901.111
--	-------------------	-----------------

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần ACC-244	43.725.300.863	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây lắp ACC	20.998.028.165	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Linh Giang	10.000.000.000	9.593.644.841
Công ty Cổ phần Tổng Công ty An Hà Hanagashi	9.970.639.880	-
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội -	71.740.980	12.417.313.486
Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Trường Thịnh	-	53.080.929.283
Công ty Cổ phần Hà Bắc	-	5.764.370.689
Công ty Cổ phần XDA Holdings	-	3.974.207.832
Các nhà cung cấp khác	20.990.028.174	25.183.749.739
	105.755.738.062	110.014.215.870

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	493.383.605	12.660.435.511
--	-------------	----------------

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu dịch vụ phát hàng thu tiền (COD)	125.867.213.332	112.848.120.424
Phải thu nhân viên quản lý điểm bán	75.480.057.722	80.819.217.931
Tạm ứng	42.212.080.607	40.113.188.831
Lãi dự thu	36.400.092.026	29.842.970.839
Công nợ tiền thu hộ dịch vụ viễn thông	21.007.368.138	81.247.635.053
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	4.189.864.744	18.788.616.722
Công nợ dịch vụ qua ví điện tử	-	18.541.069.272
Phải thu khác	88.034.546.325	70.461.600.147
	393.191.222.894	452.662.419.219

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	21.972.842.095	81.274.844.543
---	----------------	----------------

b. Dài hạn

Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	234.532.329.929	346.340.082.223
	234.532.329.929	346.340.082.223

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	VND Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	VND Thời gian quá hạn
Công ty TNHH VIMAG Hàng Hóa Quốc Tế	5.504.362.647	-	Trên 3 năm	5.504.362.647	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	1.557.240.200	-	Trên 3 năm	1.557.240.200	-	Trên 3 năm
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	1.465.934.843	-	Trên 3 năm	1.465.934.843	-	Trên 3 năm
Ông Lê Trung Dũng	1.185.187.998	592.593.999	Trên 3 năm	1.185.187.998	592.593.999	Từ 2 đến 3 năm
Công ty Cổ phần Lilama 3	740.000.000	-	Trên 3 năm	740.000.000	-	Trên 3 năm
Phải thu từ các đối tượng khác	29.036.207.956	14.624.335.154	Trên 1 năm	18.757.395.599	5.810.787.814	Trên 1 năm
	39.488.933.644	15.216.929.153		29.210.121.287	6.403.381.813	
Giá trị dự phòng trích lập		(24.272.004.491)			(22.806.739.474)	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.768.008.115	-	2.744.973.423	-
Công cụ, dụng cụ	34.984.779.867	-	18.228.794.746	-
Hàng hoá	114.582.038.499	-	258.402.739.985	(276.268.426)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	281.378.720	-	-	-
Hàng gửi bán	66.300.045	-	216.326.354	-
	152.682.505.246	-	279.592.834.508	(276.268.426)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho Tổng Công ty đã trích lập là 0 VND (năm trước: 276.268.426 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có sự thay đổi so với giá trị thuần có thể thực hiện được khi tính toán trích lập đầu năm.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền thuê địa điểm, văn phòng, cửa hàng	337.734.543.226	338.620.967.997
Chi phí cải tạo sửa chữa	33.744.325.769	32.024.860.707
Công cụ, dụng cụ	29.047.676.232	72.581.263.796
Các khoản khác	25.208.904.787	21.372.595.800
	425.735.450.014	464.599.688.300
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất và chi phí cơ sở hạ tầng (i)	176.613.326.580	185.038.874.117
Công cụ, dụng cụ	121.423.323.182	137.833.315.515
Chi phí cải tạo, sửa chữa	106.007.704.005	85.765.385.152
Tiền thuê địa điểm, văn phòng, cửa hàng	1.853.184.347	3.818.864.154
Các khoản khác	90.582.060.139	26.358.480.709
	496.479.598.253	438.814.919.647

- (i) Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 0103/2023/HĐTLĐ/SDN-VTP ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, phường Hải Vân (trước là phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu), thành phố Đà Nẵng để thực hiện dự án Xây dựng Trung tâm Logistics Đà Nẵng. Thời gian thuê từ ngày 16 tháng 5 năm 2023 đến ngày 12 tháng 12 năm 2046. Tổng giá trị tiền thuê lại là 198.796.754.478 VND (chưa bao gồm thuế GTGT) và đơn giá chi phí quản lý, sử dụng cơ sở hạ tầng là 11.733 VND/m²/năm (đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã thanh toán 95% tổng giá trị tiền thuê lại đất đến ngày 12 tháng 12 năm 2046 và chi phí cơ sở hạ tầng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	15.554.179.120	332.842.640.613	919.130.138.821	23.995.433.832	4.407.694.394	1.295.930.086.780
Mua sắm trong năm	205.083.529	29.284.107.721	29.185.254.888	44.314.301.644	10.951.293.615	113.940.041.397
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19.937.234.001	-	298.800.987.161	35.401.149.353	-	354.139.370.515
Ảnh hưởng do chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	13.061.265	61.923.674	(30.050.410)	28.897.274	-	73.831.803
Số dư cuối năm	35.709.557.915	362.188.672.008	1.247.086.330.460	103.739.782.103	15.358.988.009	1.764.083.330.495
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	13.521.471.080	81.228.785.512	497.703.950.213	10.879.085.437	1.337.417.941	604.670.710.183
Khấu hao trong năm	2.587.637.139	41.218.183.002	110.213.882.322	14.462.932.511	1.309.363.481	169.791.998.455
Ảnh hưởng do chênh lệch tỷ giá chuyển đổi BCTC	2.512.789	32.305.299	(1.303.574)	11.710.779	-	45.225.293
Số dư cuối năm	16.111.621.008	122.479.273.813	607.916.528.961	25.353.728.727	2.646.781.422	774.507.933.931
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	2.032.708.040	251.613.855.101	421.426.188.608	13.116.348.395	3.070.276.453	691.259.376.597
Tại ngày cuối năm	19.597.936.907	239.709.398.195	639.169.801.499	78.386.053.376	12.712.206.587	989.575.396.564

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 427.551.445.273 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 304.532.117.469 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã ký hợp đồng cam kết mua tài sản cố định hữu hình với trị giá là 319.787.670.459 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 649.943.622.197 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 145.649.870.949 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 163.636.929.777 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	34.526.245.981	55.959.978.663	525.000.000	91.011.224.644
Tăng trong năm	-	38.713.706.000	-	38.713.706.000
Số dư cuối năm	34.526.245.981	94.673.684.663	525.000.000	129.724.930.644
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	7.262.027.958	29.647.608.910	445.410.959	37.355.047.827
Khấu hao trong năm	620.655.334	18.784.306.347	79.589.041	19.484.550.722
Số dư cuối năm	7.882.683.292	48.431.915.257	525.000.000	56.839.598.549
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	27.264.218.023	26.312.369.753	79.589.041	53.656.176.817
Tại ngày cuối năm	26.643.562.689	46.241.769.406	-	72.885.332.095

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 24.559.391.947 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 14.643.803.447 VND).

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất của lô đất tại Xã Vĩnh Lộc (trước thuộc Huyện Bình Chánh), Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thời gian sử dụng đến hết ngày 11 tháng 12 năm 2050 với diện tích là 4.435 m², nguyên giá là 23.581.012.181 VND, được dùng làm nhà kho.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất khu A4, khu dân cư Hòa Thọ, phường Cẩm Lệ (trước là Quận Cẩm Lệ), Thành phố Đà Nẵng, được cấp ngày 25 tháng 3 năm 2011 với nguyên giá là 10.945.233.800 VND. Đây là quyền sử dụng đất lâu dài, với mục đích xây dựng trụ sở Trung tâm khai thác Khu vực II.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng cam kết nâng cấp phần mềm với trị giá là 6.764.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 72.263.790.500 VND).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	8.876.540.000	23.177.702.015
Xây dựng cơ bản dở dang	32.708.455.680	51.851.809.011
- Dự án nâng cấp hệ thống lõi chuyển phát	13.900.910.384	21.840.195.384
- Dự án trung tâm Logistics Đà Nẵng	10.963.924.785	1.750.953.431
- Dự án chế tạo robot	5.186.159.474	4.486.159.474
- Dự án nâng cấp phần mềm hệ thống nội bộ	1.870.424.000	3.787.809.000
- Dự án phần mềm SAP	-	9.527.110.055
- Dự án nâng cấp hệ thống quản lý xe	-	2.548.182.000
- Nhóm các dự án phần mềm khác	787.037.037	7.911.399.667
	41.584.995.680	75.029.511.026

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Green Speed	57.309.089.378	24.866.145.217
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt - Chi nhánh Dịch vụ Vận tải Đa phương thức	42.073.223.284	62.844.294.528
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	37.705.095.670	28.010.941.568
Công ty TNHH Viettel - CHT	25.855.865.925	12.917.478.280
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hùng Đông	24.461.651.076	23.116.182.149
Công ty Cổ phần Maruni Quốc tế	20.369.076.480	-
Công ty Cổ phần Tiến Nga	18.926.868.167	2.282.470.298
Công ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Thành Công	18.492.408.842	4.065.750.000
Các nhà cung cấp khác	557.258.552.396	502.799.153.291
	802.451.831.218	660.902.415.331
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	60.076.448.003	23.806.999.236

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	24.848.486.825	-
Tổng công ty Dịch vụ số Viettel	629.438.001	-
Các khách hàng khác	4.722.183.608	3.987.739.541
	30.200.108.434	3.987.739.541
<i>Trong đó:</i>		
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	25.495.504.569	1.408.304.791

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	66.966.864.740	717.109.391.507	684.955.020.628	(4.262.881)	99.116.972.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.371.669.544	113.155.646.670	104.339.319.805	23.568.399	49.211.564.808
Thuế thu nhập cá nhân	15.170.467.428	251.659.973.995	246.337.878.990	23.370.750	20.515.933.183
Thuế, phí khác	6.529.558	8.165.544.200	8.120.509.071	196.350	51.761.037
	122.515.531.270	1.090.090.556.372	1.043.752.728.494	42.872.618	168.896.231.766

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí nhân công thuê ngoài	392.587.558.638	242.559.484.149
Chi phí cước kết nối	63.958.145.964	60.215.894.220
Chi phí chuyển phát nhanh quốc tế	27.491.485.421	-
Chi phí thuê địa điểm, văn phòng, cửa hàng	12.145.675.127	731.041.605
Chi phí lãi vay	2.115.815.724	1.285.118.518
Chi phí phải trả khác	33.509.296.297	25.088.183.296
	531.807.977.171	329.879.721.788
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	6.152.124.967	5.057.253.781

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu cho thuê kho, văn phòng nhận trước	29.810.392.098	42.941.314.075
	29.810.392.098	42.941.314.075
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	-	13.598.398.297

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả dịch vụ phát hàng thu tiền (COD)	623.564.699.145	944.208.454.497
Phải trả đại lý, cá nhân kinh doanh	257.592.406.558	204.706.749.663
Phải trả tiền thu hộ tại các kênh điểm bán	58.363.166.304	-
Phải trả về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	47.513.493.233	30.580.325.200
Phải trả công nợ nhân viên điểm bán	30.831.630.343	-
Phải trả nhân viên tiền đặt cọc để đảm bảo nghĩa vụ giao hàng	12.354.918.343	19.046.829.234
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.937.490.084	13.392.002.323
Các khoản phải trả khác	306.211.770.369	258.224.302.603
	1.341.369.574.379	1.470.158.663.520
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	157.606.871.300	88.778.926.154
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	35.907.925.375	26.452.964.500
	35.907.925.375	26.452.964.500

22. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm	Số cuối năm
	VND		VND	VND
	Giá trị/Số có	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có
	khả năng trả nợ			khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (i)	1.359.753.329.953	99.499.903.367.071	99.583.773.277.207	1.275.883.419.817
-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	232.100.000.000	925.540.711.572	735.120.494.862	422.520.216.710
-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1	200.314.076.880	9.849.793.306.482	9.744.647.780.173	305.459.603.189
-Ngân hàng TMCP Á Châu	-	4.132.839.675.723	3.851.879.356.592	280.960.319.131
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	481.997.722.139	11.893.219.234.480	12.194.026.461.036	181.190.495.583
-Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ đô	-	27.297.542.061.137	27.214.938.505.007	82.603.556.130
-Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	263.630.109.389	10.767.428.342.999	11.027.909.223.314	3.149.229.074
-Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	181.711.421.545	-	181.711.421.545	-
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	33.636.948.352.964	33.636.948.352.964	-
-Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	-	697.838.815.402	697.838.815.402	-
-Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	290.876.784.075	290.876.784.075	-
-Ngân hàng Đầu tư và phát triển Campuchia	-	7.876.082.237	7.876.082.237	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	15.764.528.247	80.349.233.897	24.046.159.274	72.067.602.870
-Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	461.295.574	21.586.904.325	4.050.002.353	17.998.197.546
-Ngân hàng BNP PARIBAS - Chi nhánh Hà Nội	-	15.833.300.840	-	15.833.300.840
-Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	14.700.000.000	14.700.000.000	14.700.000.000	14.700.000.000
-Ngân hàng Kookmin - Chi nhánh Hà Nội	319.358.474	14.944.779.918	2.803.847.783	12.460.290.609
-Ngân hàng Agriculture Bank of China Limited - Chi nhánh Hà Nội	177.421.374	8.302.655.510	1.557.693.213	6.922.383.671
-Ngân hàng Busan - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	106.452.825	4.981.593.304	934.615.925	4.153.430.204
	1.375.517.858.200	99.580.252.600.968	99.607.819.436.481	1.347.951.022.687

(i) Số dư vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Chi tiết như sau:

STT	Bên cho vay	Hợp đồng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/1578490/HDDTD ký ngày 15/10/2025	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Không có tài sản đảm bảo	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên.	232.100.000.000	422.520.216.710
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/1578490/HĐTDHM ký ngày 14/10/2025	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Không có tài sản đảm bảo	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên.	200.314.076.880	305.459.603.189
3	Ngân hàng TMCP Á Châu	Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.4799.100325 ngày 25/03/2025	Lãi suất cho vay được quy định trong Khế ước nhận nợ / (giấy) Đề nghị giải ngân kiêm chứng từ giao kết nhận nợ / (giấy) Đề nghị nhận nợ / (giấy) Đề nghị cấp tín dụng / chứng từ chứng minh Bên được cấp tín dụng vay vốn và nhận tiền vay, nhận nợ với ACB / Giấy đề nghị cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ hàng xuất khẩu / Thu xuất trình chứng từ kiểm / Giấy đề nghị chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Không có tài sản đảm bảo	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên.	-	280.699.734.309
		Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.4809.100325 ngày 25/3/2025	Lãi suất cố định 5%/năm trong 3 tháng đầu Sau đó lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, được tính bằng Lãi suất cơ sở + 3.6%/năm	312 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Không có tài sản đảm bảo	Phục vụ hoạt động kinh doanh và thanh toán chi trên tài khoản	-	260.584.822

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

STT	Bên cho vay	Hợp đồng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	Số đầu năm	Số cuối năm
							VND	VND
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2025/CTD/VCBBD-VTP ngày 08/08/2025)	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ký hợp ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/07/2026	Các hợp đồng tiền gửi có tổng giá trị là 180.000.000.000 VND	Thanh toán các chi phí ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh nhưng không bao gồm: (i) Các hoạt động đầu tư tài sản cố định và (ii) Các hoạt động kinh doanh bộ kit, thẻ cào.	481.997.722.139	181.190.495.583
5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức	Hợp đồng hạn mức thấu chi số 202427659106 ngày 26/07/2024 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng hạn mức thấu chi.	Lãi suất được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 07/5/2026	Không có tài sản đảm bảo	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên.	-	71.360.926.674
		Hợp đồng hạn mức thấu chi số 202427659106/01 ngày 20/11/2024 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng hạn mức thấu chi.	Lãi suất được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 07/5/2026	Không có tài sản đảm bảo	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên.	-	11.242.629.456
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Hợp đồng cấp tín dụng số 330992.25.051.900988.TD ký ngày 23/09/2025	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải giao kết ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ	Kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến ngày 21/08/2026	Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng thế chấp số 331000.25.051.900988.BD ngày 23/09/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bưu chính, viễn thông, dịch vụ đại lý thanh toán	-	3.149.229.074

23. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm	Số cuối năm
	VND		VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn (i)	88.267.141.881	510.725.482.311	24.046.159.274	574.946.464.918
- Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	-	284.999.415.120	-	284.999.415.120
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	11.224.858.959	97.814.629.116	4.050.002.353	104.989.485.722
- Ngân hàng Kookmin - Chi nhánh Hà Nội	7.771.056.202	67.717.820.157	2.803.847.783	72.685.028.576
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	62.363.621.207	-	14.700.000.000	47.663.621.207
- Ngân hàng Agriculture Bank of China Limited - Chi nhánh Hà Nội	4.317.253.446	37.621.011.199	1.557.693.213	40.380.571.432
- Ngân hàng Busan - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.590.352.067	22.572.606.719	934.615.925	24.228.342.861
	88.267.141.881	510.725.482.311	24.046.159.274	574.946.464.918
<i>Trong đó:</i>				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	15.764.528.247			72.067.602.870
- Số phải trả sau 12 tháng	72.502.613.634			502.878.862.048

(i) Số dư vay dài hạn bao gồm các khoản vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động mua sắm tài sản và đầu tư xây dựng của Tổng Công ty. Chi tiết như sau:

STT	Bên cho vay	Hợp đồng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	Số đầu năm	Số cuối năm
							VND	VND
1	Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	Hợp đồng tín dụng số BNPPHN-SYN-001-25-MT ngày 13/05/2025	Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.	3 năm kể từ ngày ký hợp đồng	-Tài khoản thanh toán BNP có số dư tại ngày 31/12/2025 là 1.582.755.194 VND -Khoản phải thu các chi nhánh của công ty Tokgistics Pte.Ltd có số dư tại ngày 31/12/2025 là 63.639.410.300 VND.	Tài trợ các mục đích đầu tư tài sản cố định chung liên quan đến dịch vụ hậu cần, vận chuyển và giao nhận.	- 284.999.415.120	
2	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Hợp đồng cấp tín dụng số 146861.23.051.48800.TD ngày 09/10/2023	Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.	60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày MB giải ngân đầu tiên	90% giá trị các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội có tổng giá trị 161.000. 000.000 VND.	Thanh toán tiền mua 120 xe ô tô tải thùng kín.	40.790.712.116	30.254.712.116
		Hợp đồng cấp tín dụng số 159082.23.051.48800.TD ngày 29/12/2023	Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.	Tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên	70% Máy móc thiết bị hình thành từ Hợp đồng số 220501/2023-VTP-HAANH&LICONIN/BTQM ngày 02/06/2023 giữa Tổng Công ty và Liên danh CTCP Thương mại Hà Anh và Công ty TNHH Liconin, giá trị còn lại tại 31/12/2025 là 145.649.870.949 VND.	Đầu tư hệ thống chia chọn tại Trung tâm khai thác Quang Minh tại lô 26, KCN Quang Minh, Mê Linh, TP Hà Nội do Tổng Công ty làm chủ đầu tư.	21.572.909.091	17.408.909.091

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

STT	Bên cho vay	Hợp đồng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	Số đầu năm	Số cuối năm
							VND	VND
3	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Ngân hàng đầu mối	Hợp đồng tín dụng ký ngày 01/10/2024 do Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam là ngân hàng đầu mối và là đại lý nhận tài sản bảo đảm.	Lãi suất cho vay Ngân hàng thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.	30/09/2031	Các hợp đồng tiền gửi có tổng giá trị là: 295.000.000.000 VND Và số dư tiền gửi tài khoản doanh thu và tài khoản trả nợ có số dư tại ngày 31/12/2025 là 522.719.638 VND.	Cấp vốn đầu tư cho các dự án cụ thể được nêu rõ trong hợp đồng	11.224.858.959	104.989.485.722
4	Ngân hàng Kookmin - Chi nhánh Hà Nội						7.771.056.202	72.685.028.576
5	Ngân hàng Agriculture Bank of China Limited - Chi nhánh Hà Nội						4.317.253.446	40.380.571.432
6	Ngân hàng Busan - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						2.590.352.067	24.228.342.861

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	72.067.602.870	15.764.528.247
Trong năm thứ hai	246.233.912.114	18.958.112.988
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	222.033.031.508	45.737.960.170
Sau năm năm	34.611.918.426	7.806.540.476
	574.946.464.918	88.267.141.881
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	72.067.602.870	15.764.528.247
Số phải trả sau 12 tháng	502.878.862.048	72.502.613.634

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	88.645.683.721	15.231.579.285
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	96.739.026.531	189.952.687.724
- Trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước (i)	38.908.709.266	94.532.901.511
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay (ii)	56.330.317.265	94.419.786.213
- Trích quỹ thưởng thành viên HĐQT, Ban điều hành, BKS (ii)	1.500.000.000	1.000.000.000
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	171.616.301.337	116.538.583.288
Số cuối năm	13.768.408.915	88.645.683.721

(i) Căn cứ theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025, Tổng Công ty được trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tỷ lệ là 35% của lợi nhuận sau thuế, tương đương số tiền 133.328.495.479 VND. Trong năm 2024, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 94.419.786.213 VND, tương ứng với tỷ lệ 25% của lợi nhuận sau thuế căn cứ theo Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024. Vì vậy, số tiền được trích bổ sung vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 38.908.709.266 VND.

(ii) Căn cứ theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025, Tổng Công ty trích quỹ thưởng thành viên HĐQT, Ban điều hành, BKS là 1,5 tỷ VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 là 56.330.317.265 VND.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.217.830.420.000	21.173.847.940	(4.306.371.221)	4.920.203.786	344.598.779.364	1.584.216.879.869
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	383.085.841.715	383.085.841.715
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(182.674.563.000)	(182.674.563.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	43.486.276.732	(43.486.276.732)	-
Trích quỹ thưởng thành viên HĐQT, Ban điều hành, BKS	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(94.532.901.511)	(94.532.901.511)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay	-	-	-	-	(94.419.786.213)	(94.419.786.213)
Điều chỉnh tại Công ty con	-	-	-	-	(5.998.839.706)	(5.998.839.706)
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	(220.084.983)	-	-	(220.084.983)
Số dư đầu năm nay	1.217.830.420.000	21.173.847.940	(4.526.456.204)	48.406.480.518	305.572.253.917	1.588.456.546.171
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	404.894.289.496	404.894.289.496
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	(131.647.468.402)	(131.647.468.402)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	114.203.984.521	(114.203.984.521)	-
Trích quỹ thưởng thành viên HĐQT, Ban điều hành, BKS (i)	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 (i)	-	-	-	-	(38.908.709.266)	(38.908.709.266)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay (i)	-	-	-	-	(56.330.317.265)	(56.330.317.265)
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	3.245.390.061	-	-	3.245.390.061
Số dư cuối năm nay	1.217.830.420.000	21.173.847.940	(1.281.066.143)	162.610.465.039	367.876.063.959	1.768.209.730.795

- (i) Tổng Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển, trích quỹ thưởng cho thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát, trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 và tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.
- (ii) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 10,81%/cổ phần (tương ứng 1.081 VND/cổ phần), với tổng số tiền là 131.647.468.402 VND. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 131.579.252.978 VND.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.783.042	121.783.042
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	121.783.042	121.783.042
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>121.783.042</i>	<i>121.783.042</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	121.783.042	121.783.042
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>121.783.042</i>	<i>121.783.042</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu		

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 18 tháng 7 năm 2025, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.217.830.420.000 VND, tổng số cổ phiếu là 121.783.042 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn đã góp					
	sửa đổi		Số cuối năm				Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	740.947.050.000	60,84	740.947.050.000	60,84	740.947.050.000	60,84		
Các cổ đông khác	476.883.370.000	39,16	476.883.370.000	39,16	476.883.370.000	39,16		
	1.217.830.420.000	100,00	1.217.830.420.000	100,00	1.217.830.420.000	100,00		

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm chủ yếu là các hợp đồng thuê địa điểm làm trụ sở, văn phòng, cửa hàng, nhà kho và các hợp đồng thuê khác.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	854.801.138.928	577.426.858.817
Trên 1 năm đến 5 năm	2.693.341.157.495	2.422.796.158.395
Trên 5 năm	3.666.313.583.942	3.905.860.634.852
	7.214.455.880.365	6.906.083.652.064

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Kyat Myanmar (MMK)	1.462.212.795,76	2.102.647.503,00
Đồng LAK Lào	595.148.976,00	498.000,00
Đô la Mỹ (USD)	2.313.860,56	1.644.336,52
Đồng Riel Campuchia (KHR)	737.787,00	1.234.278,00
Đồng Baht Thái (THB)	8.380,00	3.090,00
Đô la Singapore (SGD)	1.732,73	1.732,73
Đô la Úc (AUD)	1.645,73	-

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là bưu chính, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa; bán thẻ cào, hàng hóa khác. Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp.

Tổng Công ty chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các hàng hóa, dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bán hàng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ.

Tổng Công ty thực hiện bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong cả nước. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thị trường trong nước. Theo đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.068.162.353.850	15.505.910.937.836	20.574.073.291.686
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(5.030.514.900.056)	(14.407.003.090.450)	(19.437.517.990.506)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	37.647.453.794	1.098.907.847.386	1.136.555.301.180
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			521.197.995.780
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			404.894.289.496
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			119.209.232.051
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Tài sản bộ phận trực tiếp	114.582.038.499	1.320.801.859.297	1.435.383.897.796
Tài sản không phân bổ			6.083.291.602.029
Tổng tài sản			7.518.675.499.825
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	1.699.582.371.195	1.699.582.371.195
Nợ phải trả không phân bổ			4.050.883.397.835
Tổng nợ phải trả			5.750.465.769.030
Năm trước	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.914.602.053.156	12.820.069.062.437	20.734.671.115.593
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(7.893.482.003.062)	(11.835.743.250.066)	(19.729.225.253.128)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	21.120.050.094	984.325.812.371	1.005.445.862.465
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			482.753.791.715
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			383.085.841.715
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			496.004.608.932
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tài sản bộ phận trực tiếp	258.126.471.559	1.113.206.492.170	1.371.332.963.729
Tài sản không phân bổ			4.992.223.594.394
Tổng tài sản	-	-	6.363.556.558.123
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	1.633.770.535.700	1.633.770.535.700
Nợ phải trả không phân bổ			3.141.329.476.252
Tổng nợ phải trả			4.775.100.011.952

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	5.068.162.353.850	7.914.602.053.156
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.505.910.937.836	12.820.069.062.437
	20.574.073.291.686	20.734.671.115.593
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	3.426.301.136.191	3.323.646.117.469

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.030.514.900.056	7.893.482.003.062
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.407.003.090.450	11.835.743.250.066
	19.437.517.990.506	19.729.225.253.128

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	690.379.631.593	687.721.065.900
Chi phí nhân công	5.473.637.617.864	4.705.846.871.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.276.549.177	133.040.657.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.200.648.383.656	6.166.761.680.164
Chi phí khác bằng tiền	488.292.200.096	696.268.345.071
Trích lập /(hoàn nhập) các khoản dự phòng	1.465.265.017	(28.260.078)
	15.043.699.647.403	12.389.610.359.532

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	95.890.480.779	86.618.397.603
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.908.360.287	3.239.247.911
Doanh thu tài chính khác	844.686.000	-
	99.643.527.066	89.857.645.514

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	73.939.554.919	57.801.498.674
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.362.384.587	881.108.124
Khác	2.336.007	-
	78.304.275.513	58.682.606.798

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.763.186	149.795.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.501.119.012	64.051.724.839
Chi phí khác	34.044.182.476	49.367.533.007
	125.555.064.674	113.569.053.317

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.086.305.893	1.131.388.395
Chi phí nhân công	292.791.318.203	257.929.369.987
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	9.669.930.816	7.158.460.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.141.523.343	5.757.217.569
Thuế, phí và lệ phí	3.158.203.113	2.738.167.181
Trích lập /(hoàn nhập) dự phòng	1.326.024.478	(304.528.504)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.925.053.009	68.040.110.418
Chi phí khác	112.043.133.424	97.847.870.580
	511.141.492.279	440.298.056.149

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	113.126.967.196	100.242.794.368
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm nay	8.365.182	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	113.135.332.378	100.242.794.368

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3.463.178.525)	-
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3,463,178,525)	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các đơn vị trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty mẹ	75.098.489.400	79.336.222.659
Các công ty con	38.036.842.978	20.906.571.709
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	18.063.719.922	18.040.552.183
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Viettelpost	13.510.517.005	733.091.636
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel	3.573.378.486	121.072.389
- Công ty TNHH VTP Myanmar	2.725.450.638	1.950.184.602
- Công ty TNHH Mygo Campuchia	163.776.927	61.670.899
- Công ty TNHH MTV Viettel Post Lào	-	-
	113.135.332.378	100.242.794.368

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty mẹ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	404.894.289.496	383.085.841.715
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	(56.330.317.265)	(133.328.495.479)
Trích quỹ thưởng thành viên HĐQT, Ban điều hành, BKS (VND) (i)	-	(1.500.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	348.563.972.231	248.257.346.236
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	121.783.042	121.783.042
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.862	2.039

- (i) Tổng Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025. Nếu Tổng Công ty thay đổi tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích quỹ thưởng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban

điều hành, Ban Kiểm soát cho năm 2025 thì lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay sẽ thay đổi tương ứng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 25% của lợi nhuận sau thuế căn cứ theo Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 với tỷ lệ là 35% của lợi nhuận sau thuế, trích quỹ thưởng thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát với số tiền là 1,5 tỷ VND. Do vậy, số liệu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại, cụ thể như sau:

	Số điều chỉnh so với		
	Số đã báo cáo	số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	383.085.841.715	-	383.085.841.715
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(94.419.786.213)	(38.908.709.266)	(133.328.495.479)
Trích quỹ thưởng thành viên HĐQT, Ban điều hành, BKS (VND)	-	-	(1.500.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	288.666.055.502	(38.908.709.266)	248.257.346.236
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	121.783.042	-	121.783.042
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.370	(332)	2.039

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Các khoản cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm chủ yếu là các hợp đồng thuê địa điểm làm trụ sở, văn phòng, cửa hàng, nhà kho và các hợp đồng thuê khác. Trong đó, một số hợp đồng lớn với thông tin như sau:

- (i) Theo Hợp đồng số 0002/VTPost-LSTC ngày 08 tháng 11 năm 2024, Tổng Công ty thuê mặt bằng, bến bãi tại xã Thụy Hùng và xã Phú Xá, tỉnh Lạng Sơn thực hiện Dự án “Khu Trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế Cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn” phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng diện tích thuê là 441.643 m2, với đơn giá 24.546 VND/m2/tháng kể từ đợt bàn giao đầu tiên đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027 và đơn giá 35.727 VND/ m2/tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến hết thời hạn thuê. Thời gian thuê là 20 năm, kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 đến ngày 10 tháng 02 năm 2045.
- (ii) Theo Hợp đồng số 0101/2024/VTPost-LG-K1 ngày 01 tháng 01 năm 2024 và Phụ lục chuyển giao hợp đồng ngày 01 tháng 7 năm 2025, Công ty thực hiện thuê kho, xưởng tại địa chỉ khu đất Z11 Quốc lộ 1A, Khu phố 2, Phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh để làm kho, xưởng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng diện tích thuê là 25.383 m2, với đơn giá thuê kho, văn phòng, công trình phụ trợ là 125.000 đồng/m2/tháng, đơn giá thuê sân bãi là 49.665 đồng/m2/tháng. Thời gian thuê kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2034.
- (iii) Theo Hợp đồng số 005/HĐTKX/ VTPOST-TN ngày 01 tháng 10 năm 2024 và Phụ lục chuyển giao hợp đồng ngày 01 tháng 7 năm 2025, Tổng Công ty thực hiện thuê kho nhằm mục đích đặt trụ sở làm việc

và/hoặc làm kho lưu trữ, khai thác hàng hóa và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề theo đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty tại các địa chỉ:

- Khu A: số 16 đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai;
- Khu B: tổ 13, Khu phố Tân Cang, Phường Phước Tân, Tỉnh Đồng Nai;
- Khu C: số 173/390 đường Điều Xiển, Khu phố 8, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng diện tích thuê là 230.800 m², với đơn giá thuê là 142.499.707.560 đồng/năm. Thời gian thuê kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2028.

- (iv) Theo Hợp đồng số 011023/VTP-LOG/2023 ngày 01 tháng 10 năm 2023, Tổng Công ty thực hiện thuê nhà xưởng K60x120x2, văn phòng, sân bãi tại Lô 26, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm: lưu kho, chuyển phát, logistics, lắp đặt dây chuyền chia chọn bưu gửi,...). Tổng diện tích thuê là 27.382 m², với đơn giá thuê năm đầu tiên là 2.178.236.675 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT), các kỳ tiếp theo đơn giá thuê sẽ được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá VND/USD bán ra của ngân hàng Viettinbank công bố tại thời điểm thanh toán so với thời điểm ký kết hợp đồng (tỷ giá tại thời điểm ký kết hợp đồng: 24.089 VND/USD). Thời gian thuê là 14 năm 4 tháng, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 đến ngày 01 tháng 02 năm 2038.
- (v) Theo Hợp đồng số 0104/2025/VTPost-LOG-K2 ngày 01 tháng 4 năm 2025, Tổng Công ty thực hiện thuê đất tại Khu đất Z11, Phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích đặt trụ sở làm việc và/hoặc làm kho lưu trữ, khai thác hàng hóa và/hoặc địa điểm kinh doanh. Tổng diện tích thuê là 31.195,05 m², với đơn giá thuê kho, văn phòng, công trình phụ trợ là 118.100 đồng/m²/tháng và đơn giá thuê sân bãi là 56.300 đồng/m²/tháng. Thời gian thuê kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2033.

Các khoản cam kết đầu tư

- (i) Theo Nghị quyết số 182/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 3521/QĐ/VTPost-ĐT-XD ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Phòng Đầu tư - Xây dựng, Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng trung tâm logistics Đà Nẵng” với thông tin như sau:
- Địa điểm: Khu Công nghiệp Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng;
 - Tổng mức đầu tư dự kiến: 719.000.620.398 VND.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các Cơ quan địa phương để hoàn tất thủ tục pháp lý của dự án và lập kế hoạch thực hiện các gói thầu thi công xây dựng dự án.

- (ii) Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương đầu tư ra nước ngoài, dự án đầu tư và thành lập Công ty TNHH Logistics và Thương mại Viettel Post (Quảng Tây) tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Vốn đầu tư dự kiến là 1.371.032 USD, tương đương 33.919.319.678 VND bằng vốn chủ sở hữu. Mục tiêu của dự án là cung cấp các dịch vụ chính gồm: chuyển phát quốc tế, vận tải nội địa và quốc tế, kho bãi, hải quan, kho fulfillment, kinh doanh thương mại trực tuyến, thương mại dịch vụ...

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho dự án đầu tư tại Trung Quốc số 202501432. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục xin cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và hoàn tất các thủ tục đầu tư ra nước ngoài như đã cam kết.

- (iii) Tháng 10 năm 2024, Tổng Công ty đã thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Viettel Post Lào với tổng mức đầu tư dự kiến là 5.340.801 USD, tương đương 136.104.968.100 VND. Lũy kế đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Viettel Post Lào bằng tiền là 3.629.044 USD, tương đương 92.332.143.700 VND. Phần vốn góp còn thiếu sẽ được Tổng Công ty tiếp tục góp bổ sung trong thời gian tới.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty Movitel S.A	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Telecom International Myanmar	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Viettel Cambodia	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Viettel Tanzania	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty Viettel Burundi S.A	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty Viettel Peru S.A.C	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty Viettel Timor Leste Unipessoal LDA	Công ty cùng Tập đoàn
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty cùng Tập đoàn
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khách hàng Viettel	Công ty cùng Tập đoàn
- E-Money Payment Solutions Plc.	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Viettel Construction Myanmar	Công ty cùng Tập đoàn
- Công ty TNHH Star Telecom	Công ty cùng Tập đoàn
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Trung tâm Bán dẫn Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Công ty An ninh mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Công ty Truyền thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Học viện Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Văn phòng Tập đoàn	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Trung tâm thể thao Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Trung tâm Không gian mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn
- Viện Hàng không Vũ trụ Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.426.301.136.191	3.323.646.117.469
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	2.593.008.813.346	2.544.317.340.330
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	167.038.135.182	140.175.550.274
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	156.760.243.063	147.135.318.388
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	108.663.533.952	121.922.001.734
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	104.251.372.766	216.123.455.702
Viện Hàng không Vũ trụ Viettel	44.280.761.155	11.183.689.151
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	29.586.495.463	28.236.199.874
Công ty TNHH Star Telecom	29.425.450.563	-
Công ty Movitel S.A	27.287.187.270	14.490.617.092
Công ty TNHH Viettel Tanzania	24.568.027.016	1.372.799.685
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	24.006.357.483	20.869.242.597
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Văn phòng Tập đoàn	21.683.567.969	9.156.798.966
Công ty Viettel Peru S.A.C	20.811.513.094	17.327.905.742
Công ty TNHH Viettel Cambodia	15.566.935.304	6.801.949.875
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel	15.220.605.174	12.376.089.751
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	15.137.108.713	11.148.754.959
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	9.966.855.979	8.677.348.432
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	5.518.711.021	4.054.626.596
Công ty Quản lý tài sản Viettel	2.454.432.040	2.390.212.940
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	2.235.182.332	1.079.035.201
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	1.785.384.818	2.241.312.599
Công ty An ninh mạng Viettel	1.657.556.169	348.613.943
Công ty Truyền thông Viettel	1.638.433.030	185.072.902
Công ty Viettel Timor Leste Unipessoal LDA	1.249.227.848	730.815.095
Trung tâm thể thao Viettel	707.965.504	397.591
Công ty TNHH Viettel - CHT	522.917.674	1.231.981.781
Trung tâm Không gian mạng Viettel	424.177.547	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel	299.618.965	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khách hàng Viettel	255.883.749	-
Trung tâm Bán dẫn Viettel - Chi nhánh Tập đoàn	141.314.582	-
Công nghiệp - Viễn thông Quân đội		
Học viện Viettel	77.157.926	18.729.899
E-Money Payment Solutions Plc.	70.209.494	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	32.088.570
Công ty Viettel Burundi S.A	-	18.167.800

Mua hàng hóa và dịch vụ **4.672.966.851.925** **6.518.211.610.253**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	3.395.875.892.853	6.345.587.522.207
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	1.157.973.750.783	3.435.753.704
Công ty TNHH Viettel - CHT	56.425.048.300	54.542.394.552
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Văn phòng Tập đoàn	32.356.896.886	86.743.325.683
Công ty Quản lý tài sản Viettel	17.262.466.481	5.483.632.227
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khách hàng Viettel	3.305.756.935	-
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	3.160.454.253	1.309.889.016
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	3.117.211.765	8.256.361.999
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	1.787.936.909	10.305.250.000
Công ty TNHH Viettel Construction Myanmar	541.848.265	
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	311.154.728	-
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	298.654.590	228.878.726
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	258.300.061	198.823.077
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	211.111.111	1.260.017.567
Công ty Truyền thông Viettel	79.818.005	859.761.495
Công ty An ninh mạng Viettel	550.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.112.449.794.531	756.645.901.111
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	960.186.879.351	588.023.215.104
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	48.138.952.456	33.243.054.617
Công ty Movitel S.A	23.971.363.349	14.222.313.143
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	19.656.587.415	16.886.419.957
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	15.748.498.763	44.870.313.692
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Văn phòng Tập đoàn	10.720.952.193	-
Công ty TNHH Star Telecom	7.651.739.146	-
Công ty TNHH Viettel Tanzania	6.954.322.580	510.701.475
Viện Hàng không Vũ trụ Viettel	6.084.727.133	1.102.605.425
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	3.788.668.781	1.065.264.291
Công ty TNHH Viettel Cambodia	2.441.894.322	1.144.993.707
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel	1.557.921.698	6.211.598.792
Công ty Viettel Peru S.A.C	1.396.660.129	10.137.242.977
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	1.184.354.212	2.846.083.198
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	884.518.386	5.669.617.129
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	727.980.602	138.656.655
Công ty Viettel Timor Leste Unipessoal LDA	383.045.053	288.908.054
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	328.171.930	27.208.029.723

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	318.529.346	2.625.167.609
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	167.195.615	124.868.981
Công ty Quản lý Tài sản Viettel	122.688.000	37.156.533
Công ty An ninh mạng Viettel	28.082.479	39.703.304
E-Money Payment Solutions Plc.	3.009.948	-
Công ty Viettel Burundi S.A	2.363.000	2.363.000
Công ty TNHH Viettel - CHT	688.644	247.623.745
Trả trước cho người bán ngắn hạn	493.383.605	12.660.435.511
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	361.408.400	181.696.800
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	71.740.980	12.417.313.486
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	60.234.225	61.425.225
Phải thu ngắn hạn khác	21.972.842.095	81.274.844.543
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	21.230.821.797	16.736.742.703
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	710.360.000	-
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	31.660.298	-
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	-	64.538.101.840
Phải trả người bán ngắn hạn	60.076.448.003	23.806.999.236
Công ty TNHH Viettel - CHT	25.855.865.925	12.917.478.280
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	23.594.279.896	124.247.863
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	3.721.991.499	4.959.278.361
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khách hàng Viettel	2.232.234.869	
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Văn phòng Tập đoàn	1.316.618.779	668.187.142
Công ty Truyền thông Viettel	1.195.292.821	550.804.856
Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel	1.068.712.000	1.068.712.000
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	1.023.395.143	162.001.542
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	64.637.071	309.543.272
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	3.420.000	-
Công ty An ninh mạng Viettel	-	1.731.000.000
Công ty Quản lý Tài sản Viettel	-	917.782.555
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	-	396.618.365
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	-	1.345.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	25.495.504.569	1.408.304.791
Công ty TNHH Telecom International Myanmar	24.848.486.825	-
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	629.438.001	-
Công ty TNHH Viettel Cambodia	17.579.743	776.304.791
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	-	632.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.152.124.967	5.057.253.781

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	3.936.930.000	-
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	1.703.133.502	-
Công ty TNHH Viettel - CHT	483.749.946	508.819.946
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Văn phòng Tập đoàn	28.311.519	3.943.593.716
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	-	322.315.864
Công ty Quản lý Tài sản Viettel	-	273.398.593
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	-	7.403.913
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	-	1.721.749
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	13.598.398.297
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Các Chi nhánh Viettel tỉnh, thành phố	-	12.195.159.189
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	-	803.440.620
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	-	564.558.904
Viện Hàng không vũ trụ Viettel	-	26.685.661
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	-	8.553.923
Phải trả ngắn hạn khác	157.606.871.300	88.778.926.154
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	103.061.016.304	4.870.252.947
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - Văn phòng Tập đoàn	54.465.640.740	82.350.204.474
Tổng Công ty Viễn thông Viettel	59.801.174	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	20.413.082	16.128.733
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	-	1.381.340.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	-	161.000.000

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc	18.336.815.356	12.875.592.783
Ông Phùng Văn Cường (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025)	4.990.536.142	-
Ông Đinh Thanh Sơn	3.236.624.499	2.217.153.361
Ông Phạm Văn Tuyên	2.994.475.002	2.196.824.952
Ông Lê Tuấn Anh	2.989.695.753	2.132.631.206
Ông Nguyễn Tiến Dũng (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2025)	2.960.095.174	-
Ông Hoàng Trung Thành (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 2 năm 2025)	671.714.845	3.560.540.750
Ông Cấn Long Giang (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025)	493.673.941	2.768.442.514
Thành viên Hội đồng Quản trị	6.143.494.623	856.731.309

Ông Nguyễn Việt Dũng	5.419.609.951	96.000.000
Ông Phùng Việt Thắng	292.789.332	176.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nam	207.095.340	80.000.000
(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)		
Ông Đinh Thanh Sơn	84.000.000	84.000.000
Ông Phùng Văn Cường	56.000.000	-
(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)		
Bà Trần Thị Tố Mỹ	56.000.000	-
(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)		
Ông Hoàng Trung Thành	28.000.000	84.000.000
(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)		
Ông Nguyễn Đắc Luân	-	308.731.309
Ông Đinh Như Tuyền	-	28.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	1.848.395.570	1.503.647.584
Ông Lê Quang Tiệp	671.383.619	-
(Miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2026)		
Bà Lê Thị Thanh Thoảng	411.930.746	348.399.560
Ông Nguyễn Ngọc Anh	399.405.079	846.645.878
(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025)		
Bà Nguyễn Thị Thanh	365.676.126	308.602.146

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia năm nay không bao gồm 36.400.092.026 VND (năm trước: 29.842.970.839 VND) là số tiền phải thu lãi tiền gửi và cổ tức từ các khoản đầu tư dài hạn. Do vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả năm nay không bao gồm 2.009.366.870 VND (năm trước: 1.285.118.518 VND) là số tiền phải trả về lãi vay. Vì vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 35.890.604.581 VND (năm trước: 81.549.873.673 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 81.940.589.214 VND (năm trước: 60.278.838.886 VND), là số tiền ứng trước cho nhà thầu để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong tương lai. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

(i) Theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Logistics Viettel từ 10 tỷ VND đồng lên 110 tỷ VND đồng nhằm bổ sung nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động đầu tư và mở rộng hoạt động logistics. Tính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục để tăng vốn cho công ty con.

(ii) Theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng Quản trị về việc triển khai phương án và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, Tổng Công ty dự kiến chào bán 51.148.878 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 100:42, giá chào bán dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu phát hành thành công toàn bộ, Tổng Công ty dự kiến huy động khoảng 511,49 tỷ VND để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh. Tính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục để phát hành cổ phiếu ra công chúng.

(iii) Theo Nghị quyết 72/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kho vận Viettel từ 10 tỷ VND lên 20,2 tỷ VND thông qua hình thức góp vốn bằng tiền. Mục đích của việc tăng vốn nhằm bổ sung nguồn lực tài chính cho công ty con để thực hiện kế hoạch đầu tư và mở rộng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kho vận. Tính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục để tăng vốn cho công ty con.

(iv) Công ty TNHH Logistics và Thương mại Viettel Post (Quảng Tây) đã được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 91450100MAK7TLES51 ngày 13 tháng 02 năm 2026, với vốn đăng ký là 1.371.032 USD. Tính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang hoàn tất các thủ tục chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

(Đã ký)

Lê Thị Bích Thủy
Người lập biểu

(Đã ký)

Nguyễn Bình Minh
Kế toán trưởng

(Đã ký)

Phùng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026